

CTY CP DƯỢC PHẨM
TIPHARCO
Số: 246.../TIPHARCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 07 tháng 04 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tipharco

Mã chứng khoán: DTG

Trụ sở chính: Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Điện thoại: 0273.3871 817 – 0273.3872 973

Fax: 0273.3885040

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thị Mỹ Tiên

Địa chỉ: 498 Tổ 10B, Khu phố 1, Thái Sanh Hạnh, P.9, TP Mỹ Tho, Tiền Giang

Điện thoại: Cơ quan: 0273.3872973, Di động: 0913728988

Fax: 0273.3885040

Loại thông tin công bố:

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco công bố thông tin:

- Báo cáo thường niên năm 2021.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin



Lê Thị Mỹ Tiên



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Địa chỉ: Lô 08, 09 Cụm Công Nghiệp và Tiểu Thủ Công Nghiệp Tân Mỹ Chánh,
Phường 9, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

<https://tipharco.vn>



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2021**

THÔNGIỆP CỦA

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị cổ đông, Quý khách hàng, Đối tác và toàn thể Cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

Năm 2021, tiếp tục một năm với đầy biến động do đại dịch Covid 19 bùng phát khiến kinh tế toàn cầu và Việt Nam suy thoái nghiêm trọng, trong đó không ngoại trừ ngành Dược. Kết quả phân tích của SSI Research cho thấy doanh thu ngành dược phẩm giảm sút do giãn cách xã hội kéo dài trong các đợt bùng dịch Covid-19 thứ 3 và thứ 4 tại Việt Nam. Ước tính tổng doanh thu của ngành dược phẩm Việt Nam cả năm giảm 6% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu từ các cửa hàng thuốc bán lẻ tăng 2% và tại kênh bệnh viện giảm 14%. Tuy nhiên, SSI Research kỳ vọng tỷ suất lợi nhuận sẽ được cải thiện từ năm 2022.

Kính thưa quý vị

Trong xu thế hội nhập toàn cầu ngày nay, để khẳng định vị thế trên thị trường nội địa và hướng đến mục tiêu trở thành một trong những thương hiệu dược người tiêu dùng tin cậy. Công ty luôn chú trọng đến việc giữ vững giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, xây dựng chiến lược phát triển toàn diện như: Củng cố tiềm lực tài chính, xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng, sẵn sàng đón đầu thách thức, nắm bắt cơ hội tìm kiếm nguồn nguyên liệu phong phú, đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong thời gian tới.

Còn rất nhiều khó khăn mà Tipharco sẽ gặp phải trên chặng đường phát triển nhưng với những định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị, sự điều hành linh hoạt thống nhất của Ban Tổng Giám đốc, sự nỗ lực và sáng tạo của toàn thể CBCNV, cùng sự hỗ trợ chỉ đạo kịp thời của các cơ quan ban ngành trong tỉnh sẽ góp phần giúp Tipharco vượt qua những khó khăn thử thách duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời điểm khó khăn nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Ban điều hành và toàn thể các cấp quản lý, tập thể CBCNV đã nỗ lực, cống hiến trong năm 2021 và trân trọng cảm ơn sự tin tưởng của Quý cổ đông, Quý đối tác/khách hàng đã đồng hành cùng Tipharco trong giai đoạn khó khăn vừa qua.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công. *T. T. T.*

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng quản trị



DS. Phạm Quang Bình

MỤC LỤC

| | |
|--------------------------------------|-----------|
| THÔNG TIN CHUNG | 1 |
| TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ | 12 |
| TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM | 24 |
| BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 30 |
| BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 38 |
| BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG | 42 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM | 47 |



THÔNG TIN CHUNG

- ▶ **Thông tin khái quát**
- ▶ **Quá trình hình thành và phát triển**
- ▶ **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**
- ▶ **Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức**
- ▶ **Định hướng phát triển**
- ▶ **Rủi ro**

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

| | |
|----------------------------|--|
| Tên công ty: | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO |
| Tên giao dịch: | TIPHARCO PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY |
| Tên viết tắt: | TIPHARCO |
| Giấy CNĐKDN số: | <i>11200100557 (Số cũ 5303000050) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 28/02/2006, đăng ký thay đổi lần 17 ngày 19/01/2022.</i> |
| Vốn điều lệ: | 63.159.280.000 VNĐ |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu: | 63.159.280.000 VNĐ |
| Địa chỉ: | Lô 08, 09 CCN và TTCN Tân Mỹ Chánh, P.9, Tp. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam |
| Số điện thoại: | 0273.3871.817 / 0273.3872.973 |
| Số fax: | 0273.3883.740 |
| Website: | https://tipharco.vn |
| Email: | tipharco@vnn.vn |
| Mã cổ phiếu: | DTG |

Logo công ty:



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1976

Công ty được thành lập và có tên là: Công ty Dược Phẩm Tiên Giang có chức năng sản xuất, kinh doanh và phân phối thuốc đến các công ty cấp III Huyện, thị trực thuộc.

Năm 1977

Tách sản xuất và kinh doanh, thành lập 2 đơn vị là xí nghiệp Dược Phẩm Tiên Giang có chức năng sản xuất và nuôi trồng dược liệu, và Công ty Dược phẩm cấp II có chức năng phân phối thuốc.

Năm 1992

Thành lập doanh nghiệp nhà nước đổi tên là Công ty Dược và Vật tư y tế Tiên Giang.

Năm 1983

Sáp nhập Xí nghiệp Dược Phẩm thành Xí nghiệp Liên Hợp Dược Tiên Giang.

Năm 2017

Cổ phiếu DTG chính thức được giao dịch trên sàn Upcom vào ngày 28/02/2017

Năm 2018

Xây dựng hoàn thành và đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất thuốc dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP WHO.

Năm 2019

Nhà máy thực phẩm bảo vệ sức khỏe của công ty đạt tiêu chuẩn GMP.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Hiện nay Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (DTG) đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:

- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc các loại. Sản xuất hóa dược và dược liệu. Sản xuất sản phẩm thực vật cho mục đích làm thuốc;
- Sản xuất vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, bao bì. Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu nguyên liệu. Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu vắc xin, sinh phẩm, chế phẩm, bao bì. Gia công, nhượng quyền, đại lý trong sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, thực phẩm chức năng, vắc xin, sinh phẩm, mỹ phẩm, chế phẩm, nguyên liệu, hóa chất, bao bì, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chức năng. Sản xuất tinh dầu từ thảo dược;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm;
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh. Chi tiết: Sản xuất các loại rượu thuốc đóng chai các dạng;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất các loại sirô giải khát. Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu hóa chất;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Kinh doanh nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dạng. Kinh doanh các loại sirô giải khát. Kinh doanh các loại rượu thuốc đóng chai các dạng;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thuốc và các sản phẩm do Công ty sản xuất. Bán lẻ vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế ngành y, dược; mỹ phẩm, thực phẩm chức năng.

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dược phẩm và vật tư y tế, thiết bị sản xuất kinh doanh thuộc ngành y tế. Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu mỹ phẩm. Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu dụng cụ y tế;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản thuộc sở hữu gắn liền với đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất; Mua, bán, cho thuê nhà và quyền sử dụng đất không để ở;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho chứa hàng hóa thông thường, kho đông lạnh;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chuyển giao công nghệ và dịch vụ chuyển giao công nghệ; Dịch vụ nghiên cứu và phát triển sản phẩm;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời;
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa. Chi tiết: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ giáo dục



Địa bàn kinh doanh

Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco bán hàng trên phạm vi toàn quốc. Công ty luôn chú trọng việc củng cố thị trường truyền thống, mở rộng thị trường các khu vực miền Đông, Tây Nguyên, miền Trung, miền Bắc và đa dạng phương thức bán hàng. Ngoài ra, thông qua hệ thống các công ty cùng ngành để phát triển bán hàng OTC và đấu thầu, ủy quyền đấu thầu vào khối điều trị.



GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG

- Cúp vàng thương hiệu an toàn vì sức khỏe cộng đồng 2007;
- Cúp vàng Thương Hiệu Việt 2007;
- Cúp vàng chất lượng hội nhập 2007;
- Top 500 Thương hiệu nổi tiếng 2007;
- Cúp vàng Thương hiệu Việt chất lượng hội nhập WTO 2010;
- Cúp vàng Topten thương hiệu Việt ứng dụng Khoa Học – Kỹ Thuật 2011;
- Chứng nhận thương hiệu cạnh tranh của cục sở hữu trí tuệ 2011;
- Cúp vàng sở hữu trí tuệ Việt nam 2011; 2017
- Giải bạc chất lượng Việt Nam 2011, 2012;
- Thương hiệu Việt uy tín 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018;
- Được bình chọn: Doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả Đồng bằng Sông Cửu Long;
- Doanh nghiệp tin cậy vì người tiêu dùng năm 2013;
- Sản phẩm Tiphacetam đạt: “Chứng nhận hàng Việt tốt - Dịch vụ hoàn hảo năm 2014”;
- Sản phẩm Cefuroxim 500 đạt: “ Danh hiệu Ngôi sao Thuốc Việt năm 2014”.
- Công ty được Tạp chí Thương hiệu Việt bình chọn và tôn vinh sản phẩm dịch vụ chất lượng hội nhập năm 2017 cho sản phẩm Cefuroxim.
- Công ty được Tạp chí Thương hiệu Việt chứng nhận Tipharco đạt top 100 thương hiệu uy tín lần thứ 13 năm 2017; chứng nhận Cúp Vàng thương hiệu uy tín lần thứ 14 năm 2018.
- Tipharco được tuyên dương doanh nghiệp Thương mại hóa thành công sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tiêu biểu năm 2017.
- Tipharco được Bộ Công thương chứng nhận doanh nghiệp đạt thương hiệu Việt tiêu biểu năm 2017.
- Tipharco được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam công nhận doanh nghiệp tiêu biểu khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long năm 2017.
- Được Hiệp hội thực phẩm chức năng Việt Nam trao tặng Huy chương Vàng vì sức khỏe cộng đồng năm 2017; Cúp Vàng vì sức khỏe cộng đồng năm 2018.
- Được Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam tặng Bằng khen là Doanh nghiệp phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long năm 2018; cúp danh hiệu “Cánh sếu vàng-hành trình 10 năm một chặng đường 2009-2019”.
- Chứng nhận danh hiệu Top 10 doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc điển hình sáng tạo năm 2019; Top 50 doanh nghiệp Việt Nam điển hình sáng tạo năm 2021.



Danh hiệu khen thưởng

Đơn vị anh hùng lao động thời kỳ đổi mới 2005;

Huân chương lao động hạng 01, 02, 03;

Huân chương độc lập hạng 02, 03;

Huân chương chiến công hạng 02, 03.

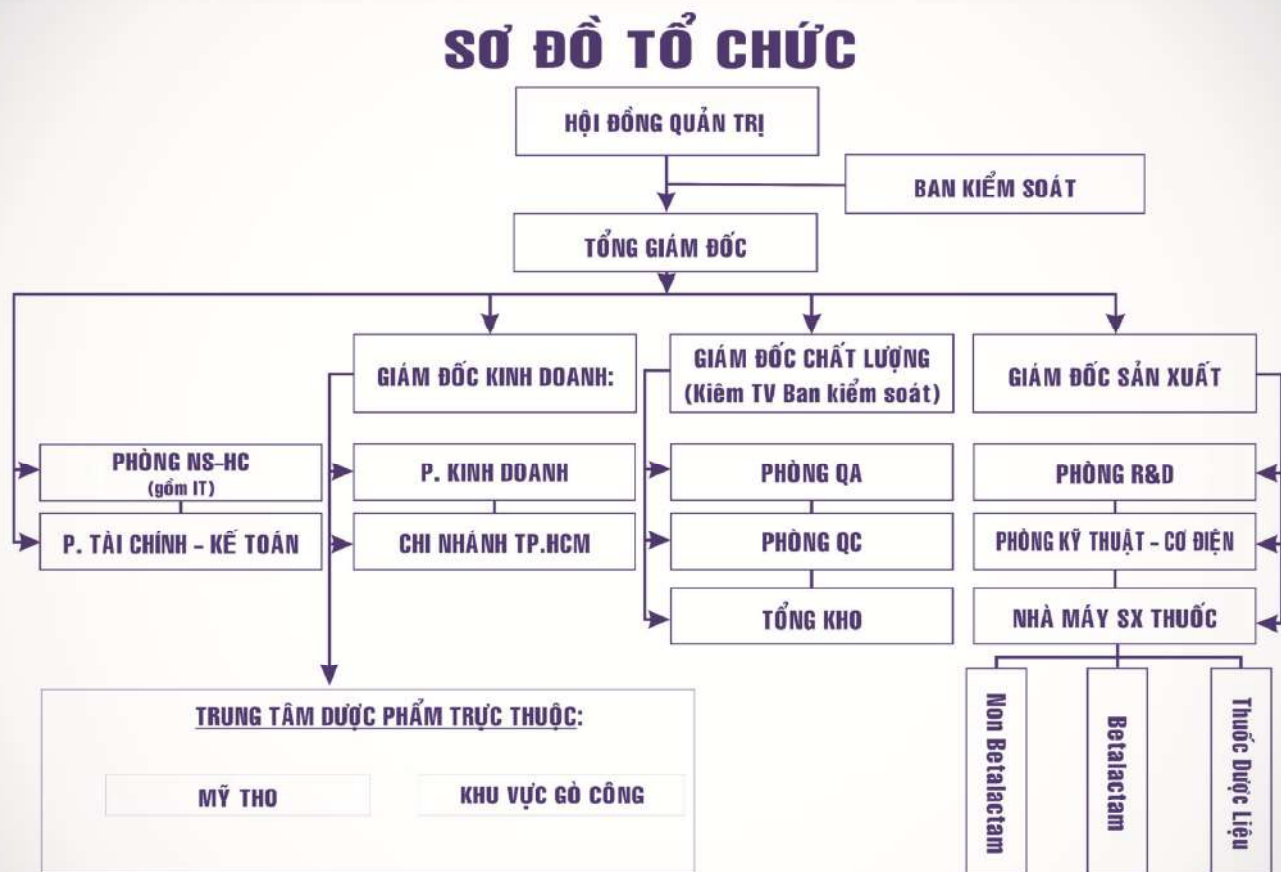


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị công ty

Bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Sơ đồ tổ chức



Tipharco hiện có các nhà máy Betalactam, nhà máy Non Betalactam, nhà máy sản xuất thuốc dược liệu đạt chuẩn GMP WHO, phòng kiểm tra chất lượng đạt tiêu chuẩn GLP và hệ thống kho đạt tiêu chuẩn GSP, Trung tâm dược phẩm đạt tiêu chuẩn GDP.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Mở rộng độ phủ kênh bán buôn, đầu tư Hệ thống phân phối bán lẻ cho tầm nhìn 10 năm;
- Tập trung sản xuất các sản phẩm chủ lực, tăng cường dự trữ nguyên vật liệu, bao bì;
- Đầu tư các ngành hàng chiến lược: Tim mạch, Tiểu đường, Tiêu hóa, Hô Hấp; Điều trị covid và hậu covid; Thuốc Đông dược;
- Xây dựng hệ thống quản trị và vận hành theo hệ thống;
- Đầu tư vào môi trường làm việc, đào tạo nguồn nhân lực cho tầm nhìn 10 năm.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tập trung phát triển các nguồn lực nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tối ưu hóa chi phí trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh để giảm chi phí đầu vào
- Đầu tư nhà máy đạt tiêu chuẩn EU-GMP theo xu hướng chung của thế giới.

Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội.

Với mục tiêu hoạt động là phát triển Công ty luôn gắn liền tinh thần trách nhiệm với môi trường, xã hội, quan tâm đến lợi ích cộng đồng. Tipharco luôn ý thức được vai trò và nghĩa vụ của mình, sau đây là các mục tiêu cụ thể của công ty đối với môi trường và xã hội:

➤ **Đối với môi trường**

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng đến chất lượng sản phẩm đạt các tiêu chuẩn theo quy định. Đồng thời, Tipharco cũng tự ý thức về việc khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên hợp lý nhằm bảo vệ, phục hồi, giữ cân bằng môi trường sinh thái. Công ty cũng có biện pháp hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm môi trường phát sinh từ các hoạt động sản xuất sản phẩm tại các nhà máy.

➤ **Đối với xã hội, cộng đồng**

Đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn trong tình trạng ổn định, đạt tiêu chuẩn cho các đại lý phân phối và người tiêu dùng;

Nâng cao tinh thần tương thân, tương ái qua các hoạt động từ thiện, quyên góp hỗ trợ các đối tượng khó khăn, chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, đảm bảo công việc và thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên của Công ty.



Tipharco

Vì sức khỏe cộng đồng

CÁC RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Năm 2021, đại dịch Covid 19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu với những biến thể mới, cản trở đà phục hồi của kinh tế thế giới. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, tăng trưởng kinh tế năm 2021 chỉ ở mức 2,58%, thấp nhất trong vòng 30 năm qua.

Là một bộ phận của nền kinh tế, Tipharco không ngoại lệ khi cũng chịu tác động chung bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp hoạt động cùng lĩnh vực phải đối mặt. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty. Chính vì thế, Ban lãnh đạo DTG luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời nhận diện được cả cơ hội lẫn thách thức để có các kế hoạch tận dụng cũng như ứng phó nhanh chóng đảm bảo được mục tiêu kinh doanh đã đề ra. Bên cạnh đó, DTG thường xuyên đánh giá chi phí phát sinh thực tế để lập kế hoạch và điều chỉnh giá bán sản phẩm theo từng chu kỳ, theo dõi biến động lãi suất vay cũng như biến động tỷ giá để có thể chủ động nhập khẩu và dự trữ nguyên vật liệu.

Rủi ro các khoản phải thu

Ngoài rủi ro về kinh tế, Công ty còn chịu rủi ro về các khoản phải thu khi một số khách hàng không có khả năng thanh toán, không thanh toán theo qui định hợp đồng buộc Công ty phải trích lập dự phòng nợ phải thu.

Rủi ro về môi trường

Công ty luôn nghiêm túc thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, có ý thức sử dụng hợp lý nguồn năng lượng, tiết kiệm điện, nước,...



Rủi ro đặc thù ngành

Không những phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ những đối thủ cùng ngành khác, Tipharco còn phải đối mặt với những rủi ro khác có thể xảy ra liên quan đến ngành nghề kinh doanh như rủi ro về chất lượng nguyên liệu đầu vào trong giai đoạn chịu sự ảnh hưởng của dịch Covid 19.

Công ty còn chịu rủi ro trong lưu trữ vì hàng hóa dược phẩm đều có thời hạn sử dụng nhất định. Việc không tiêu thụ sản phẩm kịp trước khi hết thời hạn gây ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của công ty, làm lợi nhuận thấp đi, đồng thời tốn kém thêm các chi phí khác như chi phí xử lý, tiêu hủy những loại thuốc không sử dụng được. Tuy nhiên nếu doanh nghiệp định hướng kế hoạch tiêu thụ và luân chuyển sản phẩm một cách hợp lý sẽ tránh được những rủi ro này.

Rủi ro biến động giá cả nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu sản xuất dược phẩm chủ yếu nhập khẩu của nước ngoài. Năm 2021, nguồn cung cấp nguyên liệu không ổn định khi các nhà máy sản xuất nguyên liệu ngưng hoạt động sản xuất do thiếu hụt năng lượng, ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường không khí và dịch bệnh Covid 19 kèm theo biến động về tỷ giá. Đặc biệt, giai đoạn giãn cách xã hội đã ảnh hưởng đến quá trình vận chuyển hàng hóa. Do đó hầu hết các nguyên liệu thời điểm hiện tại đều tăng giá.

Các nguyên vật liệu phụ, các loại bao bì khác trong nước đều biến động giá khi có sự khan hiếm nguồn nguyên liệu đầu vào, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp...

Vì những lý do trên, việc chủ động dự trữ nguồn nguyên liệu dược phẩm chất lượng với giá cả ổn định sẽ giúp ích rất nhiều cho DTG nâng cao khả năng cạnh tranh, đảm bảo chất lượng sản phẩm và thích ứng với những rủi ro từ những biến động thị trường, giúp DTG đảm bảo hoạt động kinh doanh và bền vững phát triển.

Rủi ro pháp lý

Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trong lĩnh vực dược phẩm, Công ty chịu sự chi phối của các Luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Luật Dược, Bộ luật Lao động... Để hạn chế rủi ro pháp lý, Tipharco thường xuyên cập nhật và linh hoạt nắm bắt các quy định mới để nhận diện các mối nguy hại tiềm ẩn và kịp thời tìm ra hướng giải quyết tốt nhất khi rủi ro xảy ra.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu rủi ro khác như chiến tranh, bệnh dịch, thiên tai, hỏa hoạn,... Những rủi ro này mặc dù hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt các công tác tuyên truyền đồng thời linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra của các rủi ro này.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



- * Hội đồng quản trị
- * Ban điều hành công ty
- * Ban kiểm soát
- * Những thay đổi trong HĐQT, BKS, Ban điều hành
- * Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty như sau:

| STT | Họ tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|---|
| 1 | Phạm Quang Bình | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc ngày 01/01/2021) |
| 2 | Phạm Trung Nghĩa | Thành viên HĐQT |
| 3 | Nguyễn Văn Tám | Thành viên HĐQT |
| 4 | Huỳnh Thị Nguyên Thủy | Thành viên HĐQT |
| 5 | Phạm Phước Đức | Thành viên HĐQT |
| 6 | Đặng Thị Xuân Quyên | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (TVHĐQT từ ngày 21/05/2021, Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc ngày 01/01/2021). |

ÔNG PHẠM QUANG BÌNH – CHỦ TỊCH HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 06/06/1954
- Nơi sinh : Bình Định
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại Học
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 156.990 cổ phiếu – 2,49% VDL
- Khen thưởng : Huân chương lao động hạng 3
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1973 – năm 1979 : Học tại Trường Đại học Y Dược Tp.HCM
 - Từ tháng 05/1980 – tháng 11/1980 : Kỹ thuật viên phân xưởng chế biến trực thuộc CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang
 - Từ tháng 12/1980 – tháng 12/1989 : Trưởng phân xưởng chế biến trực thuộc CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang
 - Từ tháng 01/1990 – tháng 03/1993 : Phó quản đốc xưởng Sản xuất trực thuộc CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang
 - Từ tháng 04/1993 – tháng 09/1999 : Phó phòng Kỹ thuật Kiểm nghiệm CT Dược & Vật Tư Y Tế Tiền Giang
 - Từ tháng 09/1999 – tháng 05/2010 : Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ tháng 06/2010 – tháng 03/2011 : Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ tháng 04/2011 – 31/12/2020 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 01/01/2021 – 31/03/2022 : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

ÔNG PHẠM TRUNG NGHĨA – THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1952
- Nơi sinh : Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Đại Học Hóa Sinh
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : TV HĐQT CTCP Dược phẩm TW25;
Chủ tịch HĐQT CT TNHH Dược phẩm Đại Việt Á;
Chủ tịch HĐQT CTCP Phạm Gia Hưng.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 457.203 cổ phiếu – 7,24% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 1.449.501 cổ phiếu – 22,95% VDL – Đại diện vốn góp của CT TNHH Dược phẩm Đại Việt Á
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1994 – nay : Chủ tịch HĐQT CT TNHH Dược phẩm Đại Việt Á
 - Từ năm 2001 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm TW25
 - Từ năm 2006 – 2016 : Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm Euvipharm - TV Tập đoàn Valeant
 - Từ năm 2006 – 31/03/2022 : Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ năm 2007 – nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Phạm Gia Hưng

ÔNG NGUYỄN VĂN TÁM – THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 15/07/1964
- Nơi sinh : Long An
- Trình độ chuyên môn : Cao Đẳng Marketing
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Giám đốc CT TNHH Dược phẩm Thiên Khánh
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 1.792.930 cổ phiếu – 28,39% VDL – Đại diện phần vốn góp của CT TNHH Dược phẩm Thiên Khánh
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1995 – năm 2000 : Nhân viên Xí nghiệp Dược phẩm Long An
 - Từ năm 2001 – năm 2005 : Phụ trách cửa hàng giới thiệu sản phẩm Xí nghiệp Dược phẩm MeBiPhar
 - Từ năm 2005 – nay : Giám đốc CT TNHH Dược phẩm Thiên Khánh
 - Từ năm 2006 – 31/03/2022 : Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco

BÀ HUỖNH THỊ NGUYỄN THÙY – THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 08/11/1974
- Nơi sinh : Kon Tum
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại Học
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Dược Vật Tư Y Tế Kon Tum
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu Tư và Phát Triển Y Tế KonTum
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 1.541.451 cổ phiếu – 24,41% VDL
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1999 – năm 2003 : Làm việc tại Bệnh viện đa khoa Tỉnh Kon Tum – Khoa Dược
 - Từ năm 2004 – năm 2006 : Làm việc tại CTCP Dược TW Medipharco Tenamyd – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh
 - Từ năm 2007 - nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Dược Vật Tư Y Tế Kon Tum
 - Từ năm 2012 – 31/03/2022 : Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 2016 - nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu Tư và Phát Triển Y Tế KonTum

ÔNG PHẠM PHƯỚC ĐỨC – THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 06/06/1974
- Nơi sinh : Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Máy tính
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 52.048 cổ phần – 0,82% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không có
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1997 – năm 2006 : Trưởng phòng Phát Triển (Phần Mềm) Global CyberSoft (Việt Nam)
 - Từ năm 2006 – năm 2009 : Quản lý Dự Án (Xây dựng nhà máy) Công ty CP Dược Phẩm Châu Âu
 - Từ năm 2009 – năm 2013 : Giám Đốc Kinh Doanh Công ty CP Dược Phẩm Euvipharm
 - Từ năm 2013 – năm 2016 : Giám đốc hoạt động Công ty CP Dược Phẩm Euvipharm – Thành Viên Tập Đoàn Valeant
 - Từ 29/05/2020 – 31/03/2022 : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco.

BÀ ĐẶNG THỊ XUÂN QUYÊN – THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : 19/02/1978
- Nơi sinh : Mỹ Tho - Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại Học
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 43.704 cổ phiếu – 0,69% VDL
- *Quá trình công tác*
 - Từ 09/03/2002 – 24/05/2003 : Nhân viên Xưởng Nonbetalactam CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang
 - Từ 25/05/2003 – 31/10/2004 : Nhân viên Phòng Nghiên cứu phát triển (RD) CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang
 - Từ 01/11/2004 – 31/07/2005 : Phó Phòng Nghiên cứu phát triển (RD) CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang
 - Từ 01/08/2005 – 15/04/2013 : Trưởng Phòng đảm bảo chất lượng (QA) CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 15/04/2013 – 28/05/2020 : Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 29/05/2020 – 31/12/2020 : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 01/01/2021 – 31/03/2022 : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Tipharco

BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Thành viên Ban Điều hành của công ty như sau:

| STT | Họ tên | Chức vụ |
|-----|---------------------|---|
| 1 | Phạm Quang Bình | Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc ngày 01/01/2021) |
| 2 | Đặng Thị Xuân Quyên | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc ngày 01/01/2021) |
| 3 | Lê Thị Mỹ Tiên | Kế toán Trưởng |

Sơ yếu lý lịch Ông Phạm Quang Bình, Bà Đặng Thị Xuân Quyên vui lòng xem thông tin tại mục Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị Công ty.

BÀ LÊ THỊ MỸ TIÊN – KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Ngày tháng năm sinh : 1978
- Nơi sinh : Chợ Gạo - Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Đại học ngành Tài chính tín dụng, Thạc sĩ Quản trị KD
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 18.838 cổ phiếu – 0,30% VĐL
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1999 – năm 2003 : Nhân viên kế toán CT Dược và Vật Tư Y Tế Tiền Giang
 - Từ năm 2003 – năm 2012 : Phó Phòng kế toán CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ năm 2012 – nay : Kế toán trưởng CTCP Dược phẩm Tipharco

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát của công ty như sau:

| STT | Họ tên | Chức vụ |
|-----|---------------------|---|
| 1 | Dương Thị Thúy Liễu | Trưởng BKS |
| 2 | Trần Thị Thu Vân | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/05/2021) |
| 3 | Lê Thị Phương Loan | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/05/2021) |
| 4 | Trần Hoàng Quân | Thành viên |

Cơ cấu Ban Kiểm soát

BÀ DƯƠNG THỊ THÚY LIỄU – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1986
- Nơi sinh : Châu Thành - Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế Toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 585 cổ phiếu – 0,01% VDL
- *Quá trình công tác*
 - Từ tháng 10/2004 – tháng 10/2007 : Học tại Trường Đại học Tiền Giang
 - Từ tháng 11/2007 – tháng 10/2008 : Kế toán tổng hợp tại CTCP Đầu Tư Xây Dựng Viễn Thông Hoàng Hưng
 - Từ 01/08/2009 – 24/03/2011 : Nhân viên kế toán tại Trung tâm Dược phẩm Mỹ Tho thuộc CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 25/03/2011 – 31/03/2022 : Trưởng BKS CTCP Dược phẩm Tipharco

BÀ TRẦN THỊ THU VÂN – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ngày tháng năm sinh : 18/08/1982
- Nơi sinh : Mỹ Tho – Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Trung học
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 702 cổ phiếu – 0,01% VDL
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1998 – năm 2000 : Học tại Trường THPT Tân Mỹ Chánh
 - Từ năm 2001 – năm 2003 : Học tại Trường Trung học Y Tế Tiền Giang
 - Từ 25/09/2003 – 30/11/2015 : Nhân viên Phòng kinh doanh CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 01/12/2015 – 31/10/2020 : Tổ trưởng Tổ vật tư thuộc Phòng kinh doanh CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 25/03/2011 – 20/05/2021 : Thành viên BKS CTCP Dược phẩm Tipharco

BÀ LÊ THỊ PHƯƠNG LOAN – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ngày tháng năm sinh : 12/01/1984
- Nơi sinh : Mỹ Tho – Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ đại học
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 3.638 cổ phần – 0,06% VDL
- *Quá trình công tác*
 - Từ 01/2006 – 05/2011 : Nhân viên phòng QA CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 06/2011 – 08/2015 : Học tại Trường Đại học Y Dược TP. HCM
 - Từ 09/2015 – 11/2015 : Nhân viên phòng QC CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 12/2015 – 12/2016 : Nhân viên xưởng sản xuất Non-betalactam CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 01/2017 – 09/2017 : Kỹ thuật viên xưởng sản xuất Non-betalactam
 - Từ 10/2017 – 02/2019 : Phụ trách xưởng dược liệu CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 03/2019 – 12/2021 : Trưởng xưởng dược liệu CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 01/2022 – 31/03/2022 : Trưởng xưởng Non-betalactam CTCP Dược phẩm Tipharco
Kiêm Thành viên BKS CTCP Dược phẩm Tipharco

- Ngày tháng năm sinh : 25/07/1979
- Nơi sinh : Châu Thành – Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ Đại Học
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu : 11.700 cổ phiếu – 0,19% VDL
- *Quá trình công tác*
 - Từ năm 1998 – năm 2001 : Học tại Trường Trung học Y Tế Tiền Giang
 - Từ 26/07/2001 – 16/09/2007 : Nhân viên bán hàng Tại Trung tâm mua bán thuốc Châu Thành, Tiền Giang
 - Từ 17/09/2007 – 30/08/2011 : Học Dược sĩ Đại học
 - Từ 01/09/2011 – 28/02/2012 : Nhân viên sản xuất CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 01/03/2012 – 14/04/2013 : Kỹ thuật viên Xưởng sản xuất CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 15/04/2013 – 31/03/2014 : Phó Phòng đảm bảo chất lượng CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 01/04/2014 – nay : Trưởng Phòng đảm bảo chất lượng CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ năm 2012 – 31/03/2022 : Thành viên BKS CTCP Dược phẩm Tipharco
 - Từ 01/11/2020 – nay : Giám đốc chất lượng kiêm Thành viên BKS CTCP Dược phẩm Tipharco

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm, Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco có sự thay đổi trong HĐQT và Ban điều hành. Cụ thể:

| STT | Họ và tên | Trước khi thay đổi | Sau khi thay đổi | Lý do | Ngày có hiệu lực |
|-----|---------------------|----------------------------------|------------------------------------|---|--|
| 01 | Phạm Quang Bình | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | Chủ tịch HĐQT | Theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc | 01/01/2021 |
| 02 | Đặng Thị Xuân Quyên | Phó Tổng Giám đốc | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | TV HĐQT: Bầu bổ sung Tổng Giám đốc: Bổ nhiệm | - TV HĐQT: 29/05/2020. - Ngày bổ nhiệm Tổng Giám đốc: 01/01/2021. |

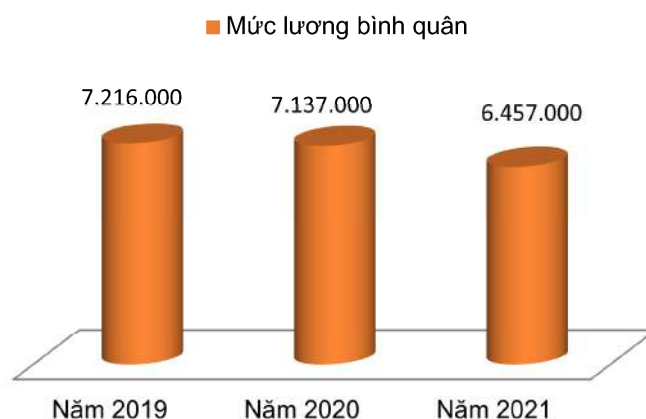
TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

❖ Tình hình nhân sự của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco

| STT | Tính chất phân loại | Năm 2021 | Tỷ lệ |
|----------|---|------------|-------------|
| A | Theo trình độ | 278 | 100% |
| 1 | Trên Đại học | 4 | 1,44% |
| 2 | Đại học, cao đẳng | 103 | 37,05% |
| 3 | Trung cấp | 135 | 48,56% |
| 4 | Công nhân kỹ thuật | 09 | 3,24% |
| 5 | Lao động phổ thông | 27 | 9,71% |
| B | Theo tính chất hợp đồng lao động | 278 | 100% |
| 1 | Hợp đồng không thời hạn | 220 | 79,14% |
| 2 | Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm) | 0 | 0% |
| 3 | Hợp đồng xác định từ 1-3 năm | 58 | 20,86% |

❖ Mức lương bình quân của 3 năm gần đây

- Năm 2019: 7.216.000 đồng/người/tháng
- Năm 2020: 7.137.000 đồng/người/tháng
- Năm 2021: 6.457.000 đồng/người/tháng



Mức lương bình quân của 3 năm gần đây

(ĐVT: đồng/người/tháng)



❖ Các chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

Tất cả lao động ở Công ty đều làm việc theo chế độ hợp đồng lao động. Giờ làm việc tại Công ty là 08h/ngày. Tùy theo công việc của từng bộ phận, Công ty bố trí làm việc theo ca. Người lao động làm thêm giờ theo yêu cầu công việc được chấm công làm thêm và được trả lương theo quy định của Luật lao động.

Chính sách tuyển dụng

Công ty luôn đề cao năng lực của từng người lao động, chủ động có những kế hoạch, chính sách tuyển dụng nhân sự với những tiêu chí khác nhau để tuyển được nhân sự đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty, đảm bảo yêu cầu về trình độ, năng lực, kiến thức chuyên môn cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng động, muốn đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty.

Thực hiện nghiêm túc các bước tuyển dụng với sự tham gia phỏng vấn của lãnh đạo đơn vị, phòng nhân sự hành chính. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đào tạo

Thường xuyên đào tạo, cập nhật kiến thức mới, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tự tin trong công việc.

Công tác đảm bảo an toàn lao động

Huấn luyện về công tác an toàn vệ sinh lao động trong sản xuất, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, thường xuyên kiểm tra về an toàn vệ sinh lao động và dụng cụ phòng chống cháy nổ đầy đủ.

Công tác chăm sóc sức khỏe

Thực hiện đúng quy định của tỉnh trong việc test Covid cho nhân viên công ty, chủ động trong việc cho nhân viên đăng ký tiêm vắc xin phòng Covid 19 và bồi dưỡng độc hại cho các bộ phận làm việc trong môi trường độc hại.

Về chính sách lương thưởng phúc lợi

Công ty đã xây dựng chính sách tiền lương phù hợp và đảm bảo cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.



- ★ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ★ Tình hình hoạt động đầu tư
- ★ Tình hình tài chính
- ★ Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

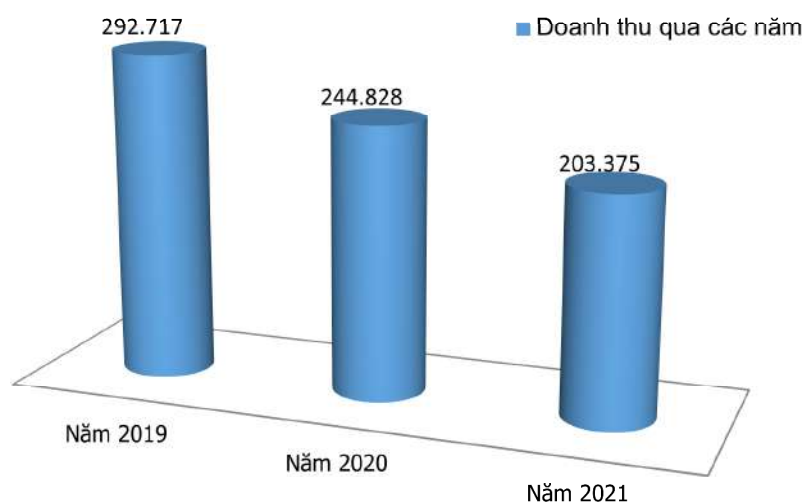
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | TH 2020 | KH 2021 | TH 2021 | TH/KH 2021 (%) | TH2021/TH 2020 (%) |
|----------------------|---------|---------|---------|----------------|--------------------|
| Tổng doanh thu | 244.828 | 310.000 | 203.375 | 65,60 | 83,07 |
| Lợi nhuận trước thuế | 4.961 | 8.000 | 1.140 | 14,25 | 22,98 |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.803 | 6.400 | 921 | 14,39 | 19,18 |

Tình hình kinh tế trong nước nói chung và Công ty nói riêng năm 2021 gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid 19. Công ty phải ngưng hoạt động từ tháng 7 đến tháng 10 để thực hiện công tác phòng chống dịch, tình hình sản xuất 3 tại chỗ chỉ đạt 20% công suất nhà máy. Bên cạnh đó, nguồn cung cấp nguyên liệu trong giai đoạn này không ổn định, khó mua hoặc mua không có, tỷ giá ngoại tệ biến động thường xuyên làm ảnh hưởng đến chi phí đầu vào sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty cũng gặp khó khăn khi phải cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành, trong đấu thầu cung ứng cho khối điều trị ...

Với sự quyết tâm và thống nhất từ HĐQT, Ban điều hành, toàn thể người lao động, công ty đã phấn đấu vượt qua những khó khăn. Tổng doanh thu đạt 203,375 tỷ đồng, đạt 65,60% kế hoạch đặt ra; lợi nhuận trước thuế đạt 1,140 tỷ đồng, đạt 14,25% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế của công ty 0,92 tỷ đồng, đạt 14,39% so với kế hoạch. Lợi nhuận của Công ty thấp hơn rất nhiều so với cùng kỳ năm trước do vẫn phát sinh các khoản chi phí cố định như: chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí tiền lương phải trả cho người lao động,... đặc biệt chi phí phát sinh cao trong giai đoạn sản xuất 3 tại chỗ để phòng chống dịch. Trong năm qua, Công ty cũng tham gia đấu thầu vào khối điều trị trong, ngoài tỉnh, ủy quyền cho đấu thầu hàng công ty sản xuất và trúng thầu vào khối điều trị các sản phẩm do Tipharco sản xuất.



Doanh thu qua các năm (ĐVT: triệu đồng)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tình hình Nhà máy sản xuất thuốc dược liệu

Thuốc dược liệu và các sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe đã được cấp số đăng ký và đã triển khai đưa vào sản xuất.

Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới đặc trị, các sản phẩm có nguồn gốc dược liệu trong nước.

Liên kết với các cơ sở, trường đại học, viện nghiên cứu, các cá nhân có kinh nghiệm thực hiện các đề tài nghiên cứu về dược liệu làm cơ sở cho việc đa dạng các dòng sản phẩm của công ty.

Về đầu tư phát triển

Nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng sản phẩm trong kinh doanh, Công ty đã đầu tư bổ sung các thiết bị sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm để đảm bảo sản xuất.

Ngoài ra, công ty còn đầu tư cho việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm phát triển sản phẩm mới.

...



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT : đồng

| Chi tiêu | Thực hiện 2020 | Thực hiện 2021 | % Tăng giảm |
|----------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng tài sản | 258.859.100.922 | 234.958.406.557 | -9,23 |
| Doanh thu thuần | 244.747.190.949 | 203.146.006.399 | -17,00 |
| Giá vốn hàng bán | 198.275.658.577 | 165.656.803.673 | -16,45 |
| Lợi nhuận từ HĐKD | 2.693.835.617 | 1.656.086.740 | -38,52 |
| Thu nhập khác | 2.267.242.982 | 449.539.198 | -80,17 |
| Lợi nhuận trước thuế | 4.961.078.599 | 1.139.512.510 | -77,03 |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.802.637.152 | 920.546.055 | -80,83 |

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2020 | Năm 2021 |
|--|------|----------|----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,19 | 1,15 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,51 | 0,43 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Tỷ suất Nợ/Tổng tài sản | % | 53,46% | 49,97% |
| Tỷ suất Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 114,86% | 99,88% |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 2,35 | 2,03 |
| Vòng quay tài sản | Vòng | 0,91 | 0,82 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 1,96% | 0,45% |
| Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | % | 4,0% | 0,78% |
| Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | % | 1,86% | 0,39% |
| Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | % | 1,1% | 0,82% |

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Cổ phần phổ thông: 6.315.928 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 6.315.928 cổ phần

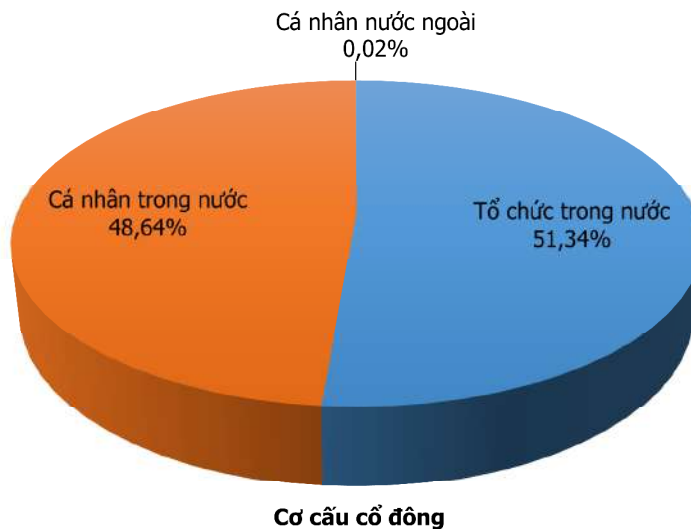
Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 VNĐ

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông tại ngày 11/06/2021

| STT | Họ tên | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|------------|---------------------------|------------------|------------------|-----------------------------------|
| I | Cổ đông trong nước | 309 | 6.314.546 | 99,98% |
| | <i>Tổ chức</i> | <i>02</i> | <i>3.242.431</i> | <i>51,34%</i> |
| | <i>Cá nhân</i> | <i>307</i> | <i>3.072.115</i> | <i>48,64%</i> |
| II | Cổ đông nước ngoài | 3 | 1.382 | 0,02% |
| | <i>Tổ chức</i> | <i>0</i> | <i>0</i> | <i>0,00%</i> |
| | <i>Cá nhân</i> | <i>3</i> | <i>1.382</i> | <i>0,02%</i> |
| III | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0,00% |
| | Tổng cộng | 312 | 6.315.928 | 100% |



Danh sách cổ đông lớn tại ngày 15/06/2021

| STT | Tên | Số lượng cổ phần | Giá trị(đồng) | Tỷ lệ(%) |
|------------------|------------------------------------|------------------|-----------------------|---------------|
| 1 | Huỳnh Thị Nguyên Thủy | 1.541.451 | 15.414.510.000 | 24,41% |
| 2 | Phạm Trung Nghĩa | 457.203 | 4.572.030.000 | 7,24% |
| 3 | Công ty TNHH Dược phẩm Đại Việt Á | 1.449.501 | 14.495.010.000 | 22,95% |
| 4 | Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Khánh | 1.792.930 | 17.929.300.000 | 28,39% |
| Tổng cộng | | 5.241.085 | 52.410.850.000 | 82,98% |

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco không phát hành thêm cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có





BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

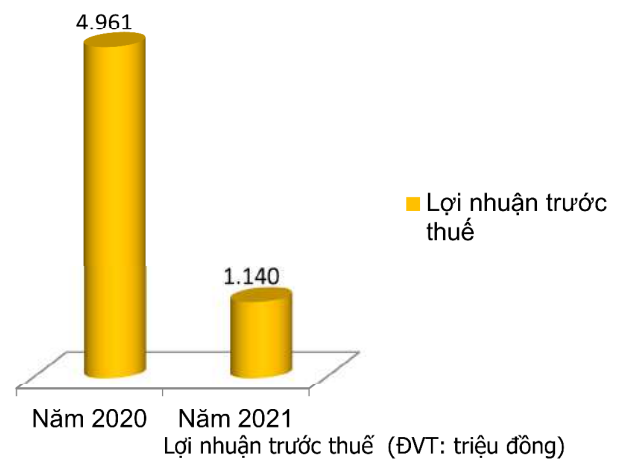
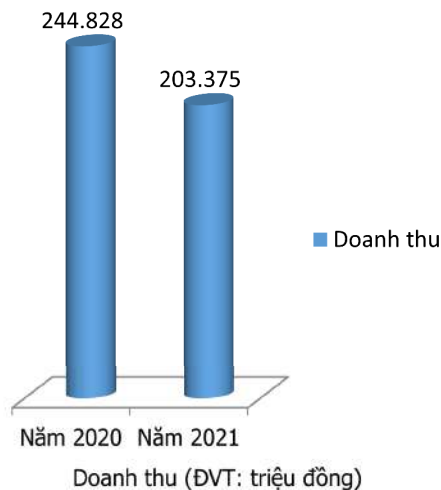
- ★ **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh**
- ★ **Tình hình tài chính**
- ★ **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý**
- ★ **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- ★ **Giải trình của Ban Tổng Giám Đốc với ý kiến kiểm toán**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | TH 2020 | KH 2021 | TH 2021 | TH/KH 2021(%) | TH 2021/TH 2020 (%) |
|----------------------------|---------|---------|---------|---------------|---------------------|
| Tổng doanh thu | 244.828 | 310.000 | 203.375 | 65,60 | 83,07 |
| Lợi nhuận trước thuế | 4.961 | 8.000 | 1.140 | 14,25 | 22,98 |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.803 | 6.400 | 921 | 14,39 | 19,18 |
| Thu nhập bình quân của NLD | 7,1 | 7,8 | 6,5 | 83,33 | 91,55 |

Doanh thu năm 2021 đạt 203,4 tỷ đồng giảm 16,93% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 80,82% so với năm 2020, đạt 0,92 tỷ đồng. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã tác động rất lớn đến tình hình bán hàng của Công ty, đặc biệt là từ tháng 7 đến tháng 10 trong năm Công ty phải ngưng hoạt động để thực hiện công tác phòng chống dịch theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Tỉnh nên doanh thu năm 2021 giảm rất nhiều. Công ty phải giảm giá để bán được hàng khi cạnh tranh giá cả ngày càng gay gắt. Doanh thu giảm nhưng vẫn phát sinh các khoản chi phí cố định như: chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí tiền lương phải trả cho người lao động,... Vì vậy lợi nhuận của Công ty thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.



Những công việc được thực hiện trong năm theo lĩnh vực như sau:

01

Về kinh doanh

Củng cố thị trường trong tỉnh, mở rộng thị trường ngoại tỉnh thông qua hệ thống bán buôn và các khách hàng gia công.

Xây dựng thương hiệu thông qua việc phối hợp với tạp chí thương hiệu Việt.

03

Về hệ thống quản lý chất lượng

Công ty không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng, tuân thủ quy định quản lý chất lượng và các quy định của Cục Quản lý Dược, Bộ Y tế, duy trì các tiêu chuẩn GMP WHO.

05

Về lĩnh vực xây dựng thương hiệu

Năm 2021, Công ty đạt danh hiệu Top 50 Doanh nghiệp Việt Nam điển hình sáng tạo 2021 của Trung tâm nghiên cứu phát triển thương hiệu Việt.

02

Về sản xuất

Sắp xếp lịch sản xuất, đảm bảo được cơ bản các đơn hàng.

Cải tiến các mẫu mã, quy trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.

Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới đặc trị, các sản phẩm có nguồn gốc dược liệu trong nước.

Liên kết với các cơ sở, trường đại học, viện nghiên cứu, các cá nhân có kinh nghiệm thực hiện các đề tài nghiên cứu về dược liệu làm cơ sở cho việc đa dạng các dòng sản phẩm của Công ty.

04

Về nhân sự, tiền lương

Đầu tư cải thiện môi trường làm việc nhằm phát huy tốt năng lực, trí tuệ của tập thể và cá nhân người lao động; sắp xếp bố trí đúng, phù hợp với năng lực của các cá nhân nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh và một số lĩnh vực khác.

Đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động trong giai đoạn khó khăn.

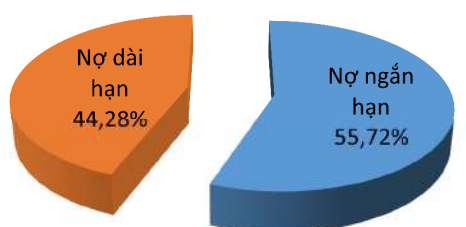
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Đồng

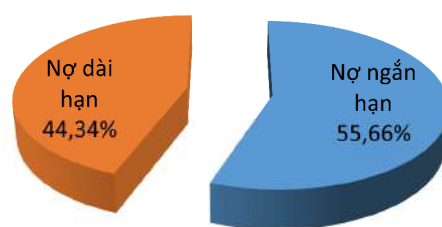
| Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | Tỷ lệ 2021/2020 |
|------------------|------------------------|------------------------|-----------------|
| Tài sản | 258.859.100.922 | 234.958.406.557 | 90,77% |
| Tài sản ngắn hạn | 144.230.279.665 | 130.785.720.915 | 90,68% |
| Tài sản dài hạn | 114.628.821.257 | 104.172.685.642 | 90,88% |
| Nguồn vốn | 258.859.100.922 | 234.958.406.557 | 90,77% |
| Nợ ngắn hạn | 121.631.492.682 | 113.731.376.079 | 93,50% |
| Nợ dài hạn | 16.813.973.374 | 3.679.754.374 | 21,89% |
| Vốn chủ sở hữu | 120.413.634.866 | 117.547.276.104 | 97,62% |

Tài sản:

Tài sản dài hạn năm 2021 đạt 104,17 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng cơ cấu.



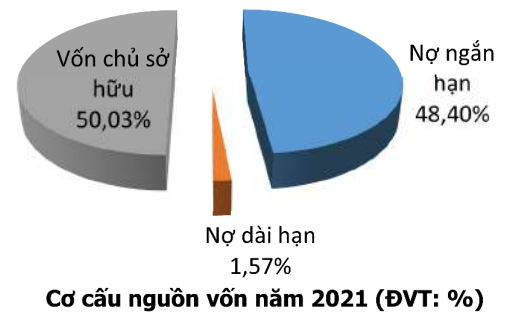
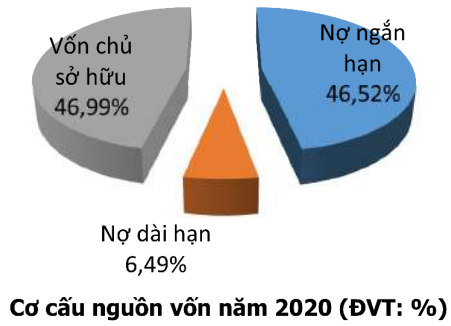
Cơ cấu tài sản năm 2020 (ĐVT: %)



Cơ cấu tài sản năm 2021 (ĐVT: %)

Về nguồn vốn:

Nợ ngắn hạn ở mức 113,73 tỷ đồng, tương ứng giảm 6,50%. Bên cạnh đó, nợ dài hạn giảm đáng kể khi đã giảm đến 78,11% so với năm trước, ở mức 3,68 tỷ đồng. Nguồn vốn chủ sở hữu năm qua đạt mức 117,55 tỷ đồng.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm vừa qua, Công ty tiếp tục hoạt động với cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý đã được đề ra. Công ty sẽ xem xét và cải tiến khi cần thiết để có thể duy trì, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả và khoa học.

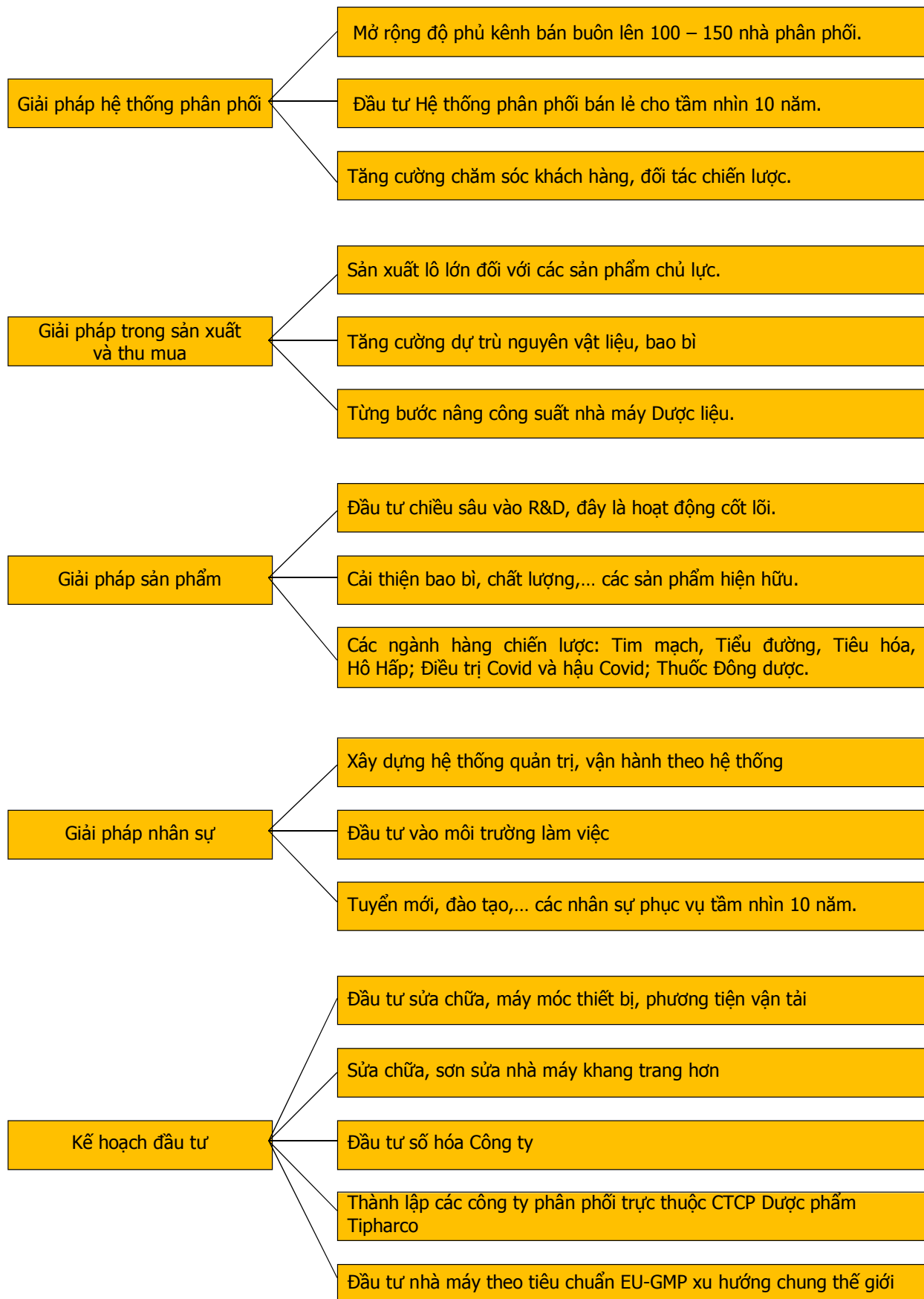
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021

| Các chỉ tiêu chủ yếu | ĐVT | Thực hiện năm 2021 | Kế hoạch năm 2022 | Tỷ lệ % 2022/2021 |
|----------------------|------------|--------------------|---------------------|-------------------|
| Tổng doanh thu | Triệu đồng | 203.375 | 260.000 | 127,84% |
| Các khoản nộp NSNN | Triệu đồng | 856 | Thực hiện theo Luật | |
| Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 1.140 | 12.500 | 1.096,49% |
| Trả cổ tức | %/VĐL | 0% | 10% | |

Năm 2022 tình hình kinh tế trong nước và trên thế giới biến động khó lường bởi tình hình chiến tranh, lạm phát toàn cầu. Giá cả nguyên liệu, bao bì,... đã tăng 30-50% so với đầu năm 2022 trong khi thuốc là sản phẩm bị kiểm soát bởi giá kê khai. Việc cạnh tranh ngành dược vô cùng gay gắt bởi cả nước có hơn 230 nhà máy sản xuất. Bên cạnh đó, sự tác động từ tình hình dịch covid trong nước và trên Thế Giới nên năm 2022 có thể gặp nhiều khó khăn. Nhưng với sự phấn đấu, quyết tâm của toàn thể người lao động, với định hướng đúng đắn của HĐQT, sự điều hành quản lý của Ban Tổng Giám đốc công ty sẽ phấn đấu vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

 CÁC BIỆN PHÁP CỤ THỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CỦA CÔNG TY TRONG THỜI GIAN TỚI NHƯ SAU:



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2021 của CTCP Dược phẩm Tipharco, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Việc sản xuất 3 tại chỗ trong giai đoạn giãn cách xã hội không đáp ứng đủ nhu cầu, chi phí sản xuất 3 tại chỗ phát sinh tăng cùng với các khó khăn trong khâu nhập khẩu và vận chuyển, công tác tiêu thụ cũng đổi mới với tình hình ngưng trệ của thị trường do giãn cách xã hội trong giai đoạn Covid 19 bùng phát.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong năm 2021 nhưng Hội Đồng Quản trị đã phối hợp tốt cùng với Ban Tổng Giám đốc để định hướng trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, Hội đồng quản trị duy trì việc họp định kỳ, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh mỗi quý, trao đổi các vấn đề cần giải quyết và định hướng cho kế hoạch quý sau, đồng thời đưa ra các quyết định kịp thời để quản trị Công ty

Nhờ vào sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể công nhân viên của Tipharco mà sản phẩm của Công ty sản xuất tiếp tục được thị trường tin tưởng đồng hành qua đó giúp sản lượng tiêu thụ thành phẩm của Tipharco luôn đạt mức tốt.



Tình hình tài chính tại Công ty được đánh giá là ổn định, dòng tiền vẫn đảm bảo phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm để nâng cao năng lực sản xuất Tipharco đã đầu tư bổ sung các thiết bị sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm. Các công tác thực hiện Công bố thông tin được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ đến Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban điều hành được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định hiện hành.

Trước những khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, Hội đồng quản trị luôn theo dõi, chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám đốc đã tìm nhiều giải pháp để duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị cũng giám sát, chỉ đạo việc công bố thông tin đầy đủ, minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán.



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên cơ sở phân tích kết quả hoạt động năm 2021, HĐQT xây dựng các chủ trương, chính sách, định hướng cụ thể cho hoạt động năm 2022:

- ✓ Thường xuyên theo dõi tình hình kinh tế thế giới và trong nước, đặc biệt diễn biến của dịch bệnh Covid 19 để đề ra các định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ✓ Tập trung phát triển các nguồn lực nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ Tối ưu hóa chi phí trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh để giảm chi phí đầu vào.
- ✓ Tăng cường kiểm soát các rủi ro, quản trị công ty để thực hiện các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 đã đề ra.
- ✓ Tổ chức các phiên họp định kỳ hàng quý để thảo luận, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty kịp thời, qua các báo cáo, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành, HĐQT sẽ có ý kiến đóng góp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.
- ✓ Ngoài ra, HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp bất thường (nếu có) để giải quyết, xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của mình.
- ✓ Xem xét các chính sách cho một số công ty có tiềm năng bao tiêu một số sản phẩm sản xuất để tiêu thụ với số lượng lớn trên thị trường cả nước; có ràng buộc về sản lượng, thanh toán để ổn định cho sản xuất; hạn chế rủi ro về công nợ.
- ✓ Xây dựng các chính sách để thu hút các đơn vị đặt hàng sản xuất sản phẩm thực phẩm bổ sung, thuốc dược liệu.
- ✓ Về hàng thầu, ủy quyền đấu thầu Công ty sẽ cân đối giá theo thời điểm cho phù hợp.
- ✓ Áp dụng chính sách theo danh mục mặt hàng; chủ yếu thanh toán trước khi nhận hàng.
- ✓ Về đầu tư phát triển, công ty dự kiến đầu tư bổ sung một số máy móc thiết bị thiết yếu để phục vụ sản xuất, kiểm tra chất lượng sản phẩm.
- ✓ Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- ✓ Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, chú trọng môi trường làm việc để Tipharco có môi trường làm việc hấp dẫn nâng cao sức sáng tạo, sự cống hiến và gắn bó lâu dài của người lao động.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

203,146

TỶ ĐỒNG DOANH THU THUẦN

0,92

TỶ ĐỒNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco hoạt động với nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả, cùng phân chia lợi nhuận, cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ về tài chính khác của công ty trong phạm vi số vốn mình đã góp vào công ty. Tạo công việc ổn định cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế tỉnh Tiền Giang và cả nước.

Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty luôn cố gắng thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty luôn đồng lòng cùng nhau hoạt động vì mục tiêu kinh tế chung đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó, nhờ đó góp phần tạo công việc ổn định cho người lao động, đem lại lợi ích kinh tế cho cổ đông, đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước.

0,86

TỶ ĐỒNG

TỔNG KHOẢN NỢ
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

6,457

TRIỆU ĐỒNG

MỨC LƯƠNG BÌNH QUÂN
NGƯỜI LAO ĐỘNG 2021



Thu gom rác thải, chất thải nhiên liệu

Rác thải thông thường không có khả năng tái sử dụng được thu gom riêng để đơn vị xử lý rác thải dễ dàng phân loại.

Rác thải nguy hại bao gồm bột thuốc, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc,... được công ty bảo quản riêng và liên kết với những cơ sở có chức năng phân loại và có những biện pháp xử lý thích hợp để bảo vệ môi trường cũng như tiết kiệm nguồn tài nguyên.

Công ty có kế hoạch tiến hành phân loại rác ngay từ đầu. Tuyên truyền, phổ biến đến nhà phân phối, các đại lý và cộng đồng bằng nhiều phương pháp.

Tuyên truyền vận động toàn thể người lao động trong Công ty có ý thức về việc sử dụng tiết kiệm điện và nguồn nước, điều này vừa góp phần vào công tác thực hiện kế hoạch phát triển bền vững, vừa tiết kiệm được chi phí hoạt động cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, Công ty cũng đã đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời.

Khi xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, Tipharco luôn chú ý để có thể sử dụng điều độ và hợp lý các nguồn năng lượng này góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia. Công ty chưa từng bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường.

Tiếng ồn và độ rung

Hệ thống máy móc thiết bị tại các dây chuyền sản xuất thuốc của công ty đã hiện đại hóa hầu hết nên tiếng ồn đã giảm đáng kể, không ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Công ty tiếp tục tăng cường bảo trì thiết bị, thiết lập thêm các bộ phận giảm âm, chống rung.

Các chính sách phòng chống ô nhiễm, rủi ro môi trường

- Nhận diện các rủi ro về an toàn môi trường có thể xảy ra bất cứ khi nào nên công ty đưa các biện pháp ứng phó và chương trình đào tạo. Cụ thể trong năm, công ty đã thực hiện kết hợp với PCCC và tự diễn tập về các tình huống khẩn cấp.
- Tiến hành kiểm tra môi trường trong khu sản xuất 04 lần/năm và kiểm tra môi trường lao động 01 lần/năm để có những biện pháp xử lý kịp thời nhằm đảm bảo môi trường sạch đẹp.
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Việc quản lý và kiểm soát rác thải, chất thải, khí thải, tiếng ồn của công ty đều đạt yêu cầu về kiểm tra của các cơ quan môi trường có liên quan.



Đôi với người lao động, đối tác, xã hội và cộng đồng

Đôi với người lao động

Tiếp tục phát huy những cam kết về điều kiện làm việc an toàn và được chăm sóc sức khỏe, phát triển đội ngũ đa dạng, tôn trọng sự khác biệt, không phân biệt đối xử, đảm bảo các quyền lợi pháp luật qui định. Trong năm 2021, Tipharco có những chương trình đào tạo kỹ năng quản lý, văn hóa làm việc có trách nhiệm. Đội ngũ lãnh đạo và nhân viên của công ty đã được trang bị những hành trang quý báu trong việc phát triển bản thân, cải thiện môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động trong công cuộc phát triển bền vững.

Mức lương trung bình của công ty trong năm qua là 6,457 triệu đồng/tháng tùy vào năng lực làm việc và sự cống hiến đối với kết quả hoạt động của Công ty. Trong năm, công ty có tổ chức các hội thi để tạo tâm lý thoải mái, gắn kết nhân viên với nhau trong công ty. Bên cạnh đó, vấn đề liên quan đến sức khỏe của người lao động cũng được công ty đặt lên hàng đầu, toàn bộ nhân viên và người lao động trong năm qua đều được tạo điều kiện khám sức khỏe định kỳ.

Về mặt phát triển nguồn nhân lực, hàng năm công ty vẫn xây dựng kế hoạch nhân sự, không ngừng tìm kiếm và chiêu mộ những lao động có tay nghề và trình độ trong lĩnh vực công ty đang hoạt động nhằm bổ sung, đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân sự cho việc thực hiện các định hướng, chiến lược kinh doanh của Hội đồng quản trị, hơn thế nữa là tạo nhiều cơ hội để Tipharco có thể tìm kiếm được nguồn nhân lực kế cận cho tương lai.



Đôi với các đối tác

Công ty luôn trân trọng niềm tin mà các Đối tác và Người tiêu dùng đã gửi gắm khi Quý vị luôn tin tưởng và ủng hộ các sản phẩm Tipharco sản xuất. Sức khỏe và sự an toàn của sản phẩm là vấn đề cốt yếu mà Công ty luôn hướng đến trong quá trình sản xuất kinh doanh. Công ty đang nỗ lực để có thể đưa ra thị trường nhiều hơn nữa những sản phẩm có giá trị và công dụng tốt, qua đó đồng hành cùng các đối tác trong quá trình tiêu thụ sản phẩm với các chính sách bán hàng công bằng, phù hợp đối với sự tin tưởng ủng hộ dành cho sản phẩm của Tipharco.



Đôi với cộng đồng

Trong những năm qua, công ty đã tham gia rất nhiều hoạt động cộng đồng thiết thực, chung tay cùng tỉnh nhà và các tổ chức khác giúp đỡ những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, trẻ em nghèo, mồ côi bằng nhiều hình thức như quyên góp tiền, xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ kinh phí khám và chữa bệnh, ... Tham gia các chương trình từ thiện hỗ trợ phần nào về vật chất lẫn tinh thần cho bà con, những người nghèo, người có hoàn cảnh neo đơn, góp phần giúp họ giảm bớt khó khăn trong cuộc sống, đón tết một cách đầy đủ, trọn niềm vui.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM TIPHARCO**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 1 – 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 – 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 6 – 9 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 10 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 11 – 12 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 13 – 35 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược Phẩm Tipharco (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Tipharco được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 1200100557 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2006, và đăng ký thay đổi lần thứ 17 vào ngày 19 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 và 01 tháng 01 năm 2021 là 63.159.280.000 VND tương đương với 6.315.928 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DTG và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 28 tháng 02 năm 2017.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
- Điện thoại : 0273 3 871 817
- Fax : 0273 3 885 040

Hoạt động chính của Công ty: sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm; các loại nước giải khát, nước uống đóng chai, thực phẩm chức năng; kinh doanh nhập khẩu và xuất khẩu nguyên liệu, hóa chất, dược phẩm, vật tư y tế; gia công.

2. Các Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|--------------------------|-----------------------|
| Ông Phạm Quang Bình | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Phạm Trung Nghĩa | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Tám | Thành viên |
| Bà Huỳnh Thị Nguyên Thủy | Thành viên |
| Ông Phạm Phước Đức | Thành viên |
| Bà Đặng Thị Xuân Quyên | Thành viên |

Ban Kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-------------------------|---|
| Bà Dương Thị Thúy Liễu | Trưởng ban |
| Ông Trần Hoàng Quân | Thành viên |
| Bà Lê Thị Phương Loan | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 05 năm 2021) |
| Bà Trần Thị Thu Vân | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 05 năm 2021) |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tổng Giám đốc

Họ và tên

Ông Lưu Hoài Nam
Bà Đặng Thị Xuân Quyên

Chức vụ

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 02 năm 2022)
Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 02 năm 2022)

Đại diện pháp luật

Họ và tên

Ông Phạm Quang Bình

Chức vụ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



PHẠM QUANG BÌNH

Chủ tịch HĐQT

Tiền Giang, ngày 10 tháng 03 năm 2022



Số: 057/2022/BCKT-CT.00007

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2022, từ trang 6 đến trang 35 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Như đã trình bày tại mục 6.10 và mục 9.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty trình bày lại khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa và khoản mục "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 do Công ty xác định lại chỉ tiêu này (hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020) theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính.



TRẦN ĐẮC NHA

Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ
Thành phố Cần Thơ, ngày 10 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 130.785.720.915 | 144.230.279.665 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 17.706.662.489 | 17.495.810.470 |
| Tiền | 111 | | 12.706.662.489 | 17.495.810.470 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 5.000.000.000 | - |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 31.262.149.748 | 44.396.376.864 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 27.815.705.098 | 43.977.750.659 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.3 | 4.175.910.900 | 367.072.706 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.4.1 | 504.460.803 | 164.380.739 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.5 | (1.233.927.053) | (112.827.240) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| Hàng tồn kho | 140 | 5.6 | 81.804.089.929 | 81.567.431.210 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 81.804.089.929 | 81.567.431.210 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 12.818.749 | 770.661.121 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | 632.198.118 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.12 | 12.818.749 | 138.463.003 |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 104.172.685.642 | 114.628.821.257 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 42.835.890 | 371.121.903 |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.4.2 | 42.835.890 | 371.121.903 |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 96.695.628.804 | 106.398.857.461 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.7 | 96.145.628.804 | 105.848.857.461 |
| Nguyên giá | 222 | | 173.117.953.211 | 173.146.556.620 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (76.972.324.407) | (67.297.699.159) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Nguyên giá | 225 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.8 | 550.000.000 | 550.000.000 |
| Nguyên giá | 228 | | 550.000.000 | 550.000.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Nguyên giá | 231 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 7.434.220.948 | 7.858.841.893 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.9 | 7.406.543.149 | 7.858.841.893 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 27.677.799 | - |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 234.958.406.557 | 258.859.100.922 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|------------|-------------|----------------------|-----------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | | | | |
| Nợ ngắn hạn | | | | |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.10 | 14.618.368.352 | 30.944.181.337 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.11 | 13.463.181.018 | 14.591.507.082 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.12 | 542.720.579 | 158.464.483 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 3.108.323.296 | 3.522.298.391 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | - |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.13 | 808.307.893 | 574.856.250 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.14.1 | 80.734.500.871 | 70.132.924.709 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 5.15 | 455.974.070 | 1.707.260.430 |
| Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | | 3.679.754.374 | 16.813.973.374 |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.14.2 | 3.679.754.374 | 16.813.973.374 |
| Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| | Ma số | Thuyết minh | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 5.16 | 117.547.276.104 | 120.413.634.866 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | | 117.027.216.772 | 120.403.007.694 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 63.159.280.000 | 63.159.280.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 63.159.280.000 | 63.159.280.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 33.634.115.000 | 33.634.115.000 |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 19.313.275.717 | 19.819.815.893 |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 920.546.055 | 3.789.796.801 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | - |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 920.546.055 | 3.789.796.801 |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 520.059.332 | 10.627.172 |
| Nguồn kinh phí | 431 | | 520.059.332 | 10.627.172 |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 234.958.406.557 | 258.859.100.922 |

TRẦN HOÀI PHƯƠNG
Người lập biểu

LÊ THỊ MỸ TIÊN
Kế toán trưởng



ĐẶNG THỊ XUÂN QUYÊN

Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| | Mã số | Thuyết minh | 2021 | 2020 |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1.1 | 203.374.681.609 | 244.828.327.862 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 6.1.3 | 228.675.210 | 81.136.913 |
| Doanh thu thuần | 10 | | 203.146.006.399 | 244.747.190.949 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 165.656.803.673 | 198.275.658.577 |
| Lợi nhuận gộp | 20 | | 37.489.202.726 | 46.471.532.372 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 66.291.045 | 123.014.667 |
| Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 6.241.822.503 | 7.611.771.968 |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>5.966.644.491</i> | <i>7.378.838.542</i> |
| Chi phí bán hàng | 25 | 6.5 | 10.230.111.607 | 15.549.083.971 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.6 | 19.427.472.921 | 20.739.855.483 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 1.656.086.740 | 2.693.835.617 |
| Thu nhập khác | 31 | 6.7 | 449.539.198 | 2.267.242.982 |
| Chi phí khác | 32 | 6.8 | 966.113.428 | - |
| Lợi nhuận khác | 40 | | (516.574.230) | 2.267.242.982 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 1.139.512.510 | 4.961.078.599 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 5.12 | 246.644.254 | 158.441.447 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | (27.677.799) | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 920.546.055 | 4.802.637.152 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.10 | 146 | 750 |

TRẦN HOÀI PHƯƠNG
Người lập biểu

LÊ THỊ MỸ TIÊN
Kế toán trưởng



ĐẶNG THỊ XUÂN QUYÊN
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

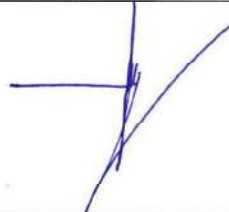
| | Mã số | Thuyết minh | 2021 | 2020 |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 1.139.512.510 | 4.961.078.599 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 10.953.588.657 | 10.563.607.269 |
| Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập) | 03 | | 1.528.184.342 | (227.665.080) |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 224.484 | 46.790.400 |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (21.731.045) | (1.272.940.339) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 5.966.644.491 | 7.378.838.542 |
| Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 19.566.423.439 | 21.449.709.391 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 12.664.493.360 | 16.645.575.837 |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (236.658.719) | 5.718.504.595 |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (17.372.224.503) | (8.856.942.138) |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 452.298.744 | (94.353.738) |
| Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (5.966.644.491) | (7.378.838.542) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (121.000.000) | (1.597.682.823) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 602.362.000 | - |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (903.607.177) | (2.652.414.925) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 8.685.442.653 | 23.233.557.657 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác | 21 | | (1.250.360.000) | (8.204.940.302) |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác | 22 | | - | 4.500.000.000 |
| Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác | 24 | | - | - |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 21.731.045 | 54.090.482 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (1.228.628.955) | (3.650.849.820) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| | Mã số | Thuyết minh | 2021 | 2020 |
|---|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 7.1 | 142.623.567.899 | 112.186.351.064 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 7.2 | (145.156.210.737) | (117.534.953.205) |
| Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (4.713.094.357) | (6.315.928.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (7.245.737.195) | (11.664.530.141) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 211.076.503 | 7.918.177.696 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 17.495.810.470 | 9.577.659.879 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (224.484) | (27.105) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 5.1 | 17.706.662.489 | 17.495.810.470 |



TRẦN HOÀI PHƯƠNG
Người lập biểu



LÊ THỊ MỸ TIÊN
Kế toán trưởng




ĐẶNG THỊ XUÂN QUYÊN
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Tipharco được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 1200100557 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 02 năm 2006, và đăng ký thay đổi lần thứ 17 vào ngày 19 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 và 01 tháng 01 năm 2021 là 63.159.280.000 VND tương đương với 6.315.928 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DTG và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 28 tháng 02 năm 2017.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty: sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm; các loại nước giải khát, nước uống đóng chai, thực phẩm chức năng; kinh doanh nhập khẩu và xuất khẩu nguyên liệu, hóa chất, dược phẩm, vật tư y tế; gia công,...

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc như sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco (Tỉnh Tiền Giang) | Gian L3, số 134/1 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 278 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 286 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 53/2016/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường còn dở dang.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 472 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| | Thời gian |
|--|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 - 50 năm |
| Máy móc thiết bị | 2 - 15 năm |
| Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 5 - 25 năm |

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị góp vốn thực tế của các cổ đông.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

95-4
CÔNG TY
MHI
TOÁN
T.N
IÁN
THO
TP.C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh trong năm.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

| Tên đối tượng | Quan hệ |
|--|-----------------------------|
| Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Khánh | Cổ đông lớn |
| Công ty TNHH Dược Phẩm Đại Việt Á | Cổ đông lớn |
| Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc | Thành viên quản lý chủ chốt |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|------|-----------------------|-----------------------|
| | | VND | VND |
| Tiền mặt tồn quỹ - VND | | 902.028.595 | 1.764.156.640 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn + VND | | 11.783.638.463 | 15.363.365.871 |
| + USD | (*) | 20.995.431 | 368.287.959 |
| Các khoản tương đương tiền - VND | (**) | 5.000.000.000 | - |
| | | 17.706.662.489 | 17.495.810.470 |

(*) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2021:

| | Gốc ngoại tệ | Tương đương |
|--|---------------------|--------------------|
| | | VND |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn + USD | 916,29 | 20.995.431 |

(**) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền vào ngày 31 tháng 12 năm 2021:

| | Kỳ hạn | Ngày đáo hạn | Lãi suất | 31/12/2021 |
|----------------|---------------|---------------------|-----------------|-------------------|
| | | | | VND |
| Ngân hàng BIDV | 1 tháng | 14/01/2022 | 3,2%/năm | 5.000.000.000 |

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu các bên liên quan | | |
| Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Khánh | 1.719.624.142 | 1.783.229.339 |
| Phải thu các khách hàng khác | | |
| Công ty Cổ phần Dược Phẩm Thương Mại Và Đầu Tư Âu Lạc | 1.376.726.723 | 3.251.830.113 |
| Các khách hàng khác | 24.719.354.233 | 38.942.691.207 |
| | 27.815.705.098 | 43.977.750.659 |

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Trả trước cho người bán khác | | |
| Nomura Trading Co.,Ltd | 2.852.620.000 | - |
| Công ty TNHH Cơ Khí Chí Trung | 840.000.000 | 330.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 483.290.900 | 37.072.706 |
| | 4.175.910.900 | 367.072.706 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|---|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Phải thu các tổ chức, cá nhân khác | | | | |
| Ngân hàng BIDV - kỳ quỹ ngắn hạn | 125.205.289 | - | 111.310.875 | - |
| Các đối tượng khác - kỳ quỹ ngắn hạn và tạm ứng | 379.255.514 | - | 53.069.864 | - |
| | 504.460.803 | - | 164.380.739 | - |

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|---|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Phải thu các tổ chức, cá nhân khác | | | | |
| Các đối tượng khác - kỳ quỹ dài hạn | 42.835.890 | - | 371.121.903 | - |

5.5 Nợ xấu

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|-------------------|----------------|----------------------------------|----------------|----------------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Phải thu bán hàng | 2.952.559.948 | 1.718.632.895 | 129.011.609 | 16.184.369 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|-------------------------|------------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | (112.827.240) | (340.492.320) |
| Trích bổ sung trong năm | (1.528.184.342) | (88.416.688) |
| Xóa nợ trong năm | 407.084.529 | 316.081.768 |
| Số dư cuối năm | (1.233.927.053) | (112.827.240) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.6 Hàng tồn kho

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 44.328.907.533 | - | 43.997.410.485 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 7.758.566.428 | - | 16.222.139.976 | - |
| Thành phẩm | 26.844.567.961 | - | 17.299.911.082 | - |
| Hàng hóa | 1.314.985.977 | - | 1.905.493.536 | - |
| Hàng gửi đi bán | 1.557.062.030 | - | 2.142.476.131 | - |
| | 81.804.089.929 | - | 81.567.431.210 | - |

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | Cộng |
|-------------------------------|---------------------------|----------------------|--|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 46.266.528.780 | 87.962.255.255 | 38.917.772.585 | 173.146.556.620 |
| Mua sắm trong năm | - | 1.250.360.000 | - | 1.250.360.000 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (1.278.963.409) | - | (1.278.963.409) |
| Tại ngày 31/12/2021 | 46.266.528.780 | 87.933.651.846 | 38.917.772.585 | 173.117.953.211 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 8.940.469.923 | 42.560.956.901 | 15.796.272.335 | 67.297.699.159 |
| Khấu hao trong năm | 1.162.094.054 | 7.580.839.512 | 2.210.655.091 | 10.953.588.657 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (1.278.963.409) | - | (1.278.963.409) |
| Tại ngày 31/12/2021 | 10.102.563.977 | 48.862.833.004 | 18.006.927.426 | 76.972.324.407 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 37.326.058.857 | 45.401.298.354 | 23.121.500.250 | 105.848.857.461 |
| Tại ngày 31/12/2021 | 36.163.964.803 | 39.070.818.842 | 20.910.845.159 | 96.145.628.804 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

| | | | | |
|---------------------|-------------|----------------|---------------|-----------------------|
| Tại ngày 01/01/2021 | 773.236.081 | 18.869.366.390 | 6.451.184.484 | 26.093.786.955 |
| Tại ngày 31/12/2021 | 773.236.081 | 21.631.390.401 | 7.387.729.879 | 29.792.356.361 |

Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:

| | | | | |
|---------------------|----------------|----------------|----------------|-----------------------|
| Tại ngày 01/01/2021 | 30.983.363.946 | 28.537.248.836 | 22.974.411.596 | 82.495.024.378 |
| Tại ngày 31/12/2021 | 36.163.964.804 | 34.121.821.323 | 20.811.460.935 | 91.097.247.062 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND |
|-------------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 550.000.000 |
| Tại ngày 31/12/2021 | <u>550.000.000</u> |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Tại ngày 01/01/2021 | - |
| Tại ngày 31/12/2021 | - |
| Giá trị còn lại | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 550.000.000 |
| Tại ngày 31/12/2021 | <u>550.000.000</u> |

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

| | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí thuê đất chờ phân bổ | 7.077.454.350 | 7.272.694.470 |
| Chi phí khác chờ phân bổ | 329.088.799 | 586.147.423 |
| | <u>7.406.543.149</u> | <u>7.858.841.893</u> |

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | | |
| Công ty TNHH Dược Phẩm Thiên Khánh | 988.802.514 | 1.161.061.190 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | | |
| Nectar Lifesciences Ltd | - | 7.188.900.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 13.629.565.838 | 22.594.220.147 |
| | <u>14.618.368.352</u> | <u>30.944.181.337</u> |

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước của các bên liên quan | | |
| Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Khánh | 192.105.000 | 267.029.062 |
| Trả trước của các khách hàng khác | | |
| Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Anpha | 5.791.061.234 | 6.982.049.303 |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Vian | 3.293.070.897 | 1.192.336.632 |
| Các khách hàng khác | 4.186.943.887 | 6.150.092.085 |
| | <u>13.463.181.018</u> | <u>14.591.507.082</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO
 Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.12 Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2021 | | Số phát sinh trong năm | | 31/12/2021 | |
|----------------------------|--------------------|----------------------|------------------------|------------------------|--------------------|---------------------|
| | Phải nộp VND | Phải thu VND | Số phải nộp VND | Số đã nộp VND | Phải nộp VND | Phải thu VND |
| Thuế giá trị gia tăng | - | - | 2.968.006.445 | (2.483.235.823) | 484.770.622 | - |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 3.104.045 | - | 30.116.237 | (33.220.282) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | (138.463.003) | 246.644.254 | (121.000.000) | - | (12.818.749) |
| Thuế thu nhập cá nhân | 155.360.438 | - | 398.215.217 | (495.625.698) | 57.949.957 | - |
| Tiền thuế đất | - | - | 238.802.881 | (238.802.881) | - | - |
| Các khoản khác | - | - | 20.964.151 | (20.964.151) | - | - |
| | 158.464.483 | (138.463.003) | 3.902.749.185 | (3.392.848.835) | 542.720.579 | (12.818.749) |

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Công ty được miễn thuế 4 năm từ năm 2017 đến năm 2020 và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo từ năm 2021 đến năm 2029 đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học công nghệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | 2021 | 2020 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.139.512.510 | 4.961.078.599 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 513.613.236 | 1.205.890.776 |
| Thu nhập chịu thuế | 1.653.125.746 | 6.166.969.375 |
| - Thu nhập được ưu đãi thuế | 710.891.497 | 1.332.290.060 |
| - Thu nhập không được ưu đãi thuế | 942.234.249 | 4.834.679.315 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | | |
| - Thuế suất được ưu đãi | 5% | 0% |
| - Thuế suất phổ thông | 20% | 20% |
| Thuế TNDN phải nộp | 223.991.425 | 966.935.863 |
| Điều chỉnh thuế TNDN những năm trước chuyển sang | 22.652.829 | (808.494.416) |
| Tổng thuế TNDN phải nộp | 246.644.254 | 158.441.447 |
| 5.13 Phải trả ngắn hạn khác | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
| | VND | VND |
| <i>Phải trả của các đơn vị và cá nhân khác</i> | | |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm LADUCA - Nhận ký quỹ ngắn hạn | 550.000.000 | 500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dược Phẩm Nam Phương - Nhận ký quỹ ngắn hạn | 100.000.000 | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 158.307.893 | 74.856.250 |
| | 808.307.893 | 574.856.250 |
| 5.14 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn | | |
| 5.14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | | |

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác | | | | |
| Ngân hàng BIDV | 46.529.397.303 | 46.529.397.303 | 32.986.634.421 | 32.986.634.421 |
| Các đối tượng khác | 21.070.884.568 | 21.070.884.568 | 23.384.726.288 | 23.384.726.288 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 13.134.219.000 | 13.134.219.000 | 13.761.564.000 | 13.761.564.000 |
| | 80.734.500.871 | 80.734.500.871 | 70.132.924.709 | 70.132.924.709 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiết số dư vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

| | Hạn mức vay VND | Kỳ hạn | Lãi suất (%/năm) | 31/12/2021 VND |
|----------------|--------------------|----------|---------------------|-----------------------|
| Ngân hàng BIDV | 65.000.000.000 | 7 tháng | 4.5% - 6.0% | 46.529.397.303 |
| Vay cá nhân | Theo hợp đồng | 12 tháng | 6,5% | 21.070.884.568 |
| | | | | 67.600.281.871 |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Vay ngân hàng VND | Vay nhân viên Công ty VND | Vay dài hạn đến hạn trả VND | Cộng VND |
|------------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Tại ngày 01/01/2021 | 32.986.634.421 | 23.384.726.288 | 13.761.564.000 | 70.132.924.709 |
| Số tiền vay trong năm | 140.427.882.368 | 2.195.685.531 | - | 142.623.567.899 |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (126.885.119.486) | (4.509.527.251) | (13.761.564.000) | (145.156.210.737) |
| Kết chuyển từ vay dài hạn | - | - | 13.134.219.000 | 13.134.219.000 |
| Tại ngày 31/12/2021 | 46.529.397.303 | 21.070.884.568 | 13.134.219.000 | 80.734.500.871 |

5.14.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|--|----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác | | | | |
| Quỹ khoa học công nghệ | - | - | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Ngân hàng BIDV | 2.131.375.054 | 2.131.375.054 | 10.575.375.054 | 10.575.375.054 |
| Ngân hàng MBBank | - | - | 666.219.000 | 666.219.000 |
| Ngân hàng Vietcombank | 1.548.379.320 | 1.548.379.320 | 3.572.379.320 | 3.572.379.320 |
| | 3.679.754.374 | 3.679.754.374 | 16.813.973.374 | 16.813.973.374 |

Chi tiết số dư vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

| | Kỳ hạn | Lãi suất %/năm | Mục đích vay | 31/12/2021 VND |
|-----------------------|--------|-------------------|-----------------|----------------------|
| Ngân hàng BIDV | 7 năm | 10,7% | Mua sắm tài sản | 2.131.375.054 |
| Ngân hàng Vietcombank | 5 năm | 7,6% - 10,5% | Mua sắm tài sản | 1.548.379.320 |
| | | | | 3.679.754.374 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

| | Vay ngân hàng VND | Vay tổ chức khác VND | Cộng VND |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------------|----------------------|
| Tại ngày 01/01/2021 | 14.813.973.374 | 2.000.000.000 | 16.813.973.374 |
| Kết chuyển sang vay và nợ đến hạn trả | (11.134.219.000) | (2.000.000.000) | (13.134.219.000) |
| Tại ngày 31/12/2021 | 3.679.754.374 | - | 3.679.754.374 |

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn

| | Tổng nợ VND | Từ dưới 1 năm VND | Trên 1 năm VND |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tại ngày 31/12/2021 | | | |
| Vay ngân hàng | 14.813.973.374 | 11.134.219.000 | 3.679.754.374 |
| Quỹ khoa học công nghệ | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 | - |
| | 16.813.973.374 | 13.134.219.000 | 3.679.754.374 |
| Tại ngày 01/01/2021 | | | |
| Vay ngân hàng | 26.575.537.374 | 11.761.564.000 | 14.813.973.374 |
| Quỹ khoa học công nghệ | 4.000.000.000 | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| | 30.575.537.374 | 13.761.564.000 | 16.813.973.374 |

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn tại các ngân hàng được đảm bảo bằng hình thức thế chấp giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh 5.7).

5.15 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | 2021 VND | 2020 VND |
|-------------------------|--------------------|----------------------|
| Tại ngày 01 tháng 01 | 1.707.260.430 | 3.631.575.579 |
| Trích quỹ trong năm | - | 506.540.176 |
| Hoàn nhập quỹ trong năm | (440.609.023) | - |
| Sử dụng quỹ trong năm | (810.677.337) | (2.430.855.325) |
| Tại ngày 31 tháng 12 | 455.974.070 | 1.707.260.430 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO
 Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.16 Vốn chủ sở hữu

5.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quý đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Nguồn kinh phí VND | Tổng cộng VND |
|--|----------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|---|-----------------------|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2020 | 63.159.280.000 | 33.634.115.000 | 19.313.275.717 | 6.316.168.001 | 232.186.772 | 122.655.025.490 |
| Lãi trong năm | - | - | - | 4.802.637.152 | - | 4.802.637.152 |
| Trích lập quỹ | - | - | 506.540.176 | (506.540.176) | - | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (506.540.176) | - | (506.540.176) |
| Chia cổ tức | - | - | - | (6.315.928.000) | - | (6.315.928.000) |
| Sử dụng kinh phí sự nghiệp | - | - | - | - | (221.559.600) | (221.559.600) |
| Tại ngày 31/12/2020 | 63.159.280.000 | 33.634.115.000 | 19.819.815.893 | 3.789.796.801 | 10.627.172 | 120.413.634.866 |
| Tại ngày 01/01/2021 | 63.159.280.000 | 33.634.115.000 | 19.819.815.893 | 3.789.796.801 | 10.627.172 | 120.413.634.866 |
| Lãi trong năm | - | - | - | 920.546.055 | - | 920.546.055 |
| Hoàn nhập quỹ | - | - | (506.540.176) | 506.540.176 | - | - |
| Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | 440.609.023 | - | 440.609.023 |
| Chia cổ tức | - | - | - | (4.736.946.000) | - | (4.736.946.000) |
| Nhận kinh phí từ ngân sách cấp | - | - | - | - | 602.362.000 | 602.362.000 |
| Sử dụng kinh phí sự nghiệp | - | - | - | - | (92.929.840) | (92.929.840) |
| Tại ngày 31/12/2021 | 63.159.280.000 | 33.634.115.000 | 19.313.275.717 | 920.546.055 | 520.059.332 | 117.547.276.104 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| Cổ đông | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|------------------------------------|-----------------------|-------------|-----------------------|-------------|
| | VND | Tỷ lệ | VND | Tỷ lệ |
| Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Khánh | 17.929.300.000 | 28,39% | 17.929.300.000 | 28,39% |
| Công ty TNHH Dược phẩm Đại Việt Á | 14.495.010.000 | 22,95% | 14.495.010.000 | 22,95% |
| Bà Huỳnh Thị Nguyên Thủy | 15.414.510.000 | 24,41% | 15.414.510.000 | 24,41% |
| Các cổ đông khác | 15.320.460.000 | 24,25% | 15.320.460.000 | 24,25% |
| | 63.159.280.000 | 100% | 63.159.280.000 | 100% |

5.16.3 Cổ phiếu

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|------------------|------------------|
| Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành | 6.315.928 | 6.315.928 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | 6.315.928 | 6.315.928 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| | 6.315.928 | 6.315.928 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | 6.315.928 | 6.315.928 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| | 6.315.928 | 6.315.928 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

5.16.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị Quyết số 198 ngày 21 tháng 5 năm 2021 - Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

| | VND |
|---|----------------------|
| Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2020 | 4.736.946.000 |
| Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2020 | (506.540.176) |
| Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020 | (440.609.023) |
| | 3.789.796.801 |

5.17 Ngoại tệ các loại

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-----------------|------------|------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 916,29 | 15.882,69 |

5.18 Nợ khó đòi đã xử lý

| | Nguyên nhân | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|---------------------|--------------------|-------------------|-------------------|
| Nợ khó đòi đã xử lý | Không thu hồi được | 723.166.297 | 316.081.768 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--------------------|-----------------|-----------------|
| Doanh thu bán hàng | 203.374.681.609 | 244.828.327.862 |

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh 9.2

6.1.3 Các khoản giảm trừ doanh thu

| | 2021 VND | 2020 VND |
|---------------------|--------------------|-------------------|
| Hàng bán bị trả lại | 200.262.983 | 81.136.913 |
| Giảm giá hàng bán | 28.412.227 | - |
| | 228.675.210 | 81.136.913 |

6.2 Giá vốn hàng bán

| | 2021 VND | 2020 VND |
|---------------------|-----------------|-----------------|
| Giá vốn từ bán hàng | 165.656.803.673 | 198.275.658.577 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2021 VND | 2020 VND |
|------------------------|-------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 21.731.045 | 54.090.482 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 44.560.000 | 68.924.185 |
| | 66.291.045 | 123.014.667 |

6.4 Chi phí tài chính

| | 2021 VND | 2020 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay ngân hàng | 5.966.644.491 | 7.378.838.542 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 274.953.528 | 186.143.026 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 224.484 | 46.790.400 |
| | 6.241.822.503 | 7.611.771.968 |

29

LAB996-
CÔNG TY
H NHIỆM HỮ
KIỂM TOÁN
VIỆT
HỘI NHÀ
CÁN TH
TỈNH-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.5 Chi phí bán hàng

| | 2021 VND | 2020 VND |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên bán hàng | 4.404.587.570 | 5.343.661.907 |
| Chi phí bán hàng khác | 5.825.524.037 | 10.205.422.064 |
| | 10.230.111.607 | 15.549.083.971 |

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 11.011.468.915 | 13.201.415.448 |
| Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi | 1.528.184.342 | 88.416.688 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 6.887.819.664 | 7.450.023.347 |
| | 19.427.472.921 | 20.739.855.483 |

6.7 Thu nhập khác

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--|--------------------|----------------------|
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định | - | 1.218.849.857 |
| Trong đó: | | |
| - Thu từ thanh lý tài sản cố định | - | 4.500.000.000 |
| - Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý | - | (3.281.150.143) |
| Tiền hỗ trợ bán hàng, chiết khấu được hưởng | 174.113.830 | 212.195.000 |
| Thu nhập khác | 275.425.368 | 836.198.125 |
| | 449.539.198 | 2.267.242.982 |

6.8 Chi phí khác

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--|--------------------|-------------|
| Chi phí phát sinh do ảnh hưởng dịch covid-19 | 931.513.347 | - |
| Chi phí khác | 34.600.081 | - |
| | 966.113.428 | - |

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | 2021 VND | 2020 VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 127.338.771.704 | 143.256.287.292 |
| Chi phí nhân công | 22.902.339.683 | 27.383.588.250 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 10.953.588.657 | 10.563.607.269 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.778.253.689 | 7.903.608.925 |
| Chi phí khác | 9.903.138.614 | 17.097.986.732 |
| | 180.876.092.347 | 206.205.078.468 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--|-------------|---------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 920.546.055 | 4.802.637.152 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông như sau: | | |
| Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | (65.931.153) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 920.546.055 | 4.736.705.999 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) | 6.315.928 | 6.315.928 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 146 | 750 |

Công ty trình bày lại khoản mục "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 do Công ty xác định lại chỉ tiêu này (hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020) theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

| | 2021 VND | 2020 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 142.623.567.899 | 112.186.351.064 |

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 145.156.210.737 | 117.534.953.205 |

8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Hội đồng quản trị xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO

Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1 đến 5 năm VND | Tổng cộng VND |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | | | |
| Các khoản vay và nợ | 80.734.500.871 | 3.679.754.374 | 84.414.255.245 |
| Phải trả người bán | 14.618.368.352 | - | 14.618.368.352 |
| Phải trả khác và chi phí phải trả | 808.307.893 | - | 808.307.893 |
| | 96.161.177.116 | 3.679.754.374 | 99.840.931.490 |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2021 | | | |
| Các khoản vay và nợ | 70.132.924.709 | 16.813.973.374 | 86.946.898.083 |
| Phải trả người bán | 30.944.181.337 | - | 30.944.181.337 |
| Phải trả khác và chi phí phải trả | 574.856.250 | - | 574.856.250 |
| | 101.651.962.296 | 16.813.973.374 | 118.465.935.670 |

Tài sản đảm bảo

Công ty đã dùng giá trị tài sản cố định của mình để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021 (xem tại thuyết minh số 5.7).

Công ty có nhận ký quỹ 650.000.000 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 500.000.000 tại ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Phải thu khách hàng | 27.815.705.098 | 43.977.750.659 | 26.581.778.045 | 43.864.923.419 |
| Các khoản phải thu khác | 547.296.693 | 535.502.642 | 547.296.693 | 535.502.642 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 17.706.662.489 | 17.495.810.470 | 17.706.662.489 | 17.495.810.470 |
| | 46.069.664.280 | 62.009.063.771 | 44.835.737.227 | 61.896.236.531 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 84.414.255.245 | 86.946.898.083 | 84.414.255.245 | 86.946.898.083 |
| Phải trả người bán | 14.618.368.352 | 30.944.181.337 | 14.618.368.352 | 30.944.181.337 |
| Phải trả khác và chi phí phải trả | 808.307.893 | 574.856.250 | 808.307.893 | 574.856.250 |
| | 99.840.931.490 | 118.465.935.670 | 99.840.931.490 | 118.465.935.670 |

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại kết thúc năm tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Phạm Quang Bình | 448.371.426 | 657.020.242 |
| Ông Phạm Trung Nghĩa | 10.800.000 | 16.200.000 |
| Ông Nguyễn Văn Tám | 10.800.000 | 16.200.000 |
| Bà Huỳnh Thị Nguyên Thủy | 10.800.000 | 16.200.000 |
| Ông Phạm Phước Đức | 10.800.000 | 7.200.000 |
| Bà Đặng Thị Xuân Quyên | 533.226.667 | 521.850.000 |
| Bà Trần Thị Tâm | - | 400.625.000 |
| Ông Lê Văn Châu | - | 201.787.500 |
| Bà Dương Thị Thủy Liễu | 53.223.806 | 109.432.117 |
| Ông Trần Hoàng Quân | 259.776.481 | 258.085.000 |
| Bà Trần Thị Thu Vân | 3.500.000 | 70.235.062 |
| Bà Lê Thị Phương Loan | 144.489.630 | - |
| | 1.485.788.010 | 2.274.834.921 |

9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

| Công ty liên quan | Nội dung | 2021 VND | 2020 VND |
|------------------------------------|------------------|----------------|----------------|
| Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Khánh | Bán hàng/dịch vụ | 20.389.907.439 | 27.688.269.201 |
| | Mua hàng/dịch vụ | 2.320.679.197 | 2.455.683.950 |

Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên có liên quan

| Công ty liên quan | Nội dung | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|------------------------------------|---------------------|-------------------|-------------------|
| Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Khánh | Phải thu bán hàng | 1.719.624.142 | 1.783.229.339 |
| | Phải trả mua hàng | 988.802.514 | 1.161.061.190 |
| | Người mua trả trước | 192.105.000 | 267.029.062 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

9.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo các bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Hội đồng quản trị đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

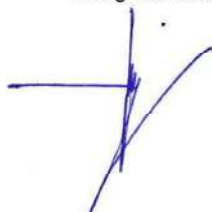
9.4 Số liệu so sánh

Công ty trình bày lại khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa và khoản mục "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 do Công ty xác định lại chỉ tiêu này (hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020) theo hướng tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

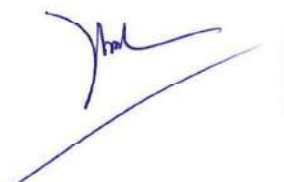
| Chỉ tiêu | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh |
|---|-------|--------------------------|----------------|------------------------|
| Bảng cân đối kế toán | | | | |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | - | 138.463.003 | 138.463.003 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 20.001.480 | 138.463.003 | 158.464.483 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 680 | 70 | 750 |

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu công bố trong Báo cáo tài chính.



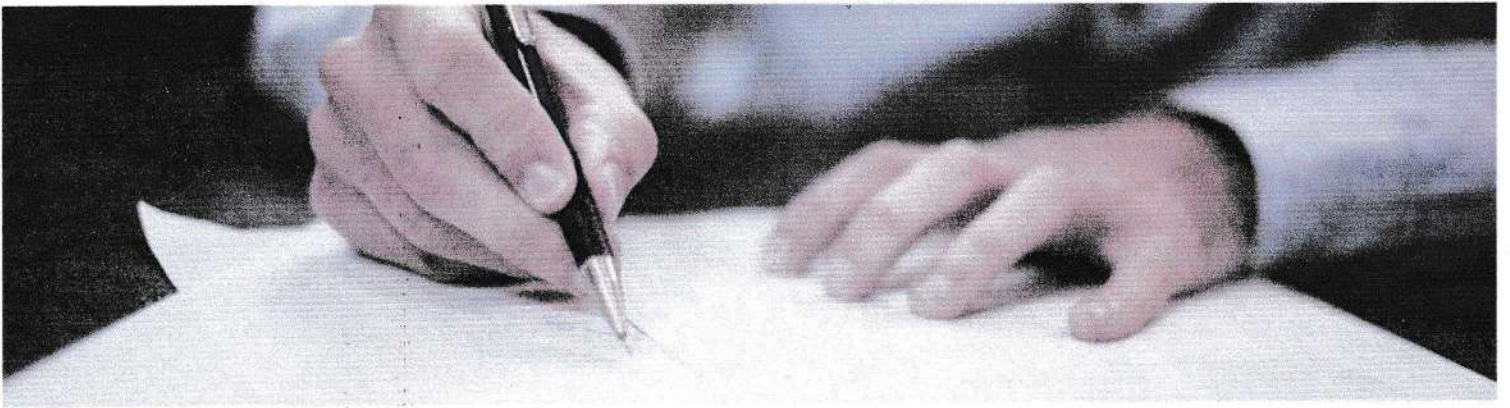
TRẦN HOÀI PHƯƠNG
Người lập biểu



LÊ THỊ MỸ TIÊN
Kế toán trưởng




ĐẶNG THỊ XUÂN QUYÊN
Tổng Giám đốc
Tiền Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2022



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

Tiên Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT



DS. Phạm Quang Bình